

Dã đàm tả ao

Cao Trung

TỰA

*Của Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ
Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn
Giáo sư Đại học Nhân văn và
Nghệ thuật Viện Đại Học Minh Đức*

Cách đây mấy năm ông Cao Trung đã nhờ tôi đề tựa quyển Địa Lý Tả Ao của ông, nay ông lại có nhã ý nhờ tôi đề tựa tập Dã Đàm Tả Ao này.

Tác giả cho biết đây là tài liệu viết tay của ông Nguyễn Tấn Minh thuộc dòng dõi cụ Tả Ao, viết năm Canh Thìn (cụ Tả Ao tên là Nguyễn Đức Huyền).

Tôi may mắn có bộ sách “Tả Ao chân truyền địa lý” do Hà Kim, Duyên Tự Sơn Nhân hiệu đính, Bất Chuẩn Phiên khắc và hiệu Nghĩa Lợi hàng Đào phát hành năm Kỷ Mùi (1919) đời vua Khải Định.

Tôi đem hai bản so sánh thì thấy hầu hết giống nhau, ngoại trừ một vài chi tiết nhỏ. Như thế là chúng ta có thể vững bụng về phần tài liệu.

Nhưng dù là đọc bản in tại Hà Nội hay bản viết tay của ông Nguyễn Tấn Minh, tôi cũng thấy hết sức khó hiểu. Trái lại khi tài liệu trên vào đến tay ông Cao Trung thì nó lại trở nên khúc chiết, rạch ròi, vì nó đã được ông Cao Trung đem công phu phân thành tiết mục hẳn hoi, nhất là sự bình giải hết sức sáng suốt cặn kẽ.

Tác giả vẫn dùng lối văn giản dị, lối trình bày rõ ràng, lại còn kèm thêm nhiều đồ bản, để minh chứng, giải

thích, khiến người đọc có cảm giác rằng: khoa Địa lý cũng không đến nỗi quá khó như mọi người thường nghĩ.

Tuy nhiên, tập trước và tập này mới hoàn tất phần căn bản của khoa địa lý. Nếu muốn đi sâu vào chi tiết, nếu muốn nắm vững được hết những huyền vi, ảo diệu của khoa địa lý, là một khoa rất khó trong các khoa Cổ học thuật Trung Hoa, chắc chắn chúng ta còn phải tốn nhiều công phu, đọc nhiều sách vở. Cái đó là điều dĩ nhiên. Tác giả cũng biết như vậy nên đã hứa hẹn cho xuất bản thêm một số tài liệu về khoa này.

Chúng ta sau khi đã đọc qua hai tập địa lý của tác giả hẳn đã hài long và ước ao tác giả mau xuất bản cho đủ toàn bộ khoa địa lý, để chúng ta có đủ tài liệu tham khảo và có được toàn bộ sách quý.

Vì không sành về Địa lý, nên tôi chỉ chú trọng đến sự chính xác của tài liệu, và chỉ biết đề cao phương pháp khảo cứu và bình giải của tác giả, chứ không muốn đi sâu vào chuyên môn.

Tuy nhiên trước khi cho xuất bản tập sách này, tác giả đã đưa cho nhiều bậc lão thành tinh thông về khoa địa lý xem và đã được các vị hết lời khen tặng, như ta thấy trong “Lời mở đầu” của tác giả.

Có một điều tôi muốn lưu ý quý vị độc giả là ông Cao Trung từ nhiều năm nay, đã khổ công nghiên cứu về nhiều bộ môn Đông Phương học. Còn riêng về phương diện học vấn, ông cũng có một căn bản hết sức vững chải, một số vốn liếng hết sức dồi dào. Văn bằng cử nhân Văn khoa, Văn học Việt Nam của ông chính cũng là một sự bảo đảm cho sự hiểu biết của ông. Sau những lời trình

bày và nhận định trên, tôi xin nồng nhiệt giới thiệu tập sách địa lý Dã Đàm Tả Ao này cùng quý vị độc giả.

Ước mong, đối với quý vị, tập sách này sẽ được đúng như lời cụ Tả Ao:

*Báu này yêu tựa ngọc vàng
Được thì nên trọng nên sang, nên giàu
Lấy tín lấy kính làm đầu
Đạo có sở cầu, chí có ắt nên.
Lộ là cười hạc đeo tiền
Trước tiên học lấy thần tiên trên đời...*

Sài gòn, ngày 10 tháng 4 năm 1974

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1969 tập Địa Lý Tả Ao (Địa đạo Diễn Ca) ra đời, trong đó chúng tôi có giới thiệu tập Địa lý thứ hai: Dã Đàm Tả Ao (Tầm Long gia truyền bảo đàm) tức là bộ này.

Từ khi xuất bản cuốn thứ nhất cho đến nay, chúng tôi được biết luôn luôn quý vị độc giả mong mỗi có cuốn kế tiếp.

Cuốn thứ hai, lẽ ra có thể xuất bản vào năm 1970 mà cho đến ngày nay 1974 nó mới ra đời, vì có nhiều yếu tố đặc biệt, mà chúng tôi xin trình bày lên quý vị, dưới đây:

1. Cuốn trước nặng về loan đầu, cuốn sau nặng về lý khí và hai cuốn này trở nên một cặp thư hùng về căn bản địa lý. Muốn được như vậy phải chuẩn bị cho nó thật chu đáo mới khỏi phụ lòng độc giả trông mong, mới xứng với tập trước và mới hoàn thành sứ mạng việc soạn thảo cổ thư.

2. Từ trước tới nay, đã có bao nhiêu man thư về địa lý mà toàn dựa vào lý khí để làm man thư nên cuốn này, nặng phần lý – khí, phải làm cho rõ đâu là chân và đâu là cái ngụy của khoa Địa lý, nên tác giả đã phải ôn lại trên mười bộ sách địa lý vừa cổ thư bí truyền vừa có bán trên thị trường để đối chiếu và loại bỏ đi những phần nào có thể dễ làm cho độc giả dễ nhầm lẫn, khi đọc nó. Ngoài ra, cũng phải phân biệt chỗ nào quan trọng, chỗ nào kém quan trọng để nhấn mạnh những chỗ quan trọng, cho độc giả mau có ý thức chính xác về phần lý khí, để đỡ nhầm lẫn, bởi nhầm về lý khí thì rất tai hại.

3. Nói là lý khí, nhưng thực thể của nó vẫn là loan đầu. Nếu quân thực thể mà trình bày nguyên những gì trừu tượng, vẫn còn làm cho độc giả khó nhận chân, nên các phần lý khí trên sách đều được tác giả cố gắng dung hòa với loan đầu cho có cả thể (loan đầu) và dụng (lý khí) mới là toàn bích.

4. Phần lý khí, nói hết ra một cách quá phân tích sẽ làm mất hứng thú sáng tác của độc giả, và cũng sẽ lại tạo nên hậu quả tai hại là dễ nệ vào phân tích mà quên tổng hợp. Khoa địa lý cũng như nhiều khoa khác phải sử dụng cả phân tích lẫn tổng hợp cùng một lúc mới thành công.

Do đó tác giả phải dấu những điều tỉ mỉ dễ nhầm lẫn, nhưng thập phần quan trọng vào những câu, những chữ mà chỉ những ai dùng sự tận kỳ tâm, tận kỳ đạo mới khám phá ra. Nếu chỉ đọc không, chỉ lĩnh hội được phần nào sự diệu ảo của nó và vừa đủ cho kiến thức thông thường về địa lý mà thôi.

5. Sau đây lại là sự dung hòa 2 quan niệm mâu thuẫn liên quan đến sự phổ biến khoa địa lý đã làm cho tác giả thắc mắc suốt thời gian soạn bộ sách này:

a. Một là nếu không lưu lại sự chân truyền địa lý thì ít lâu sau khoa này sẽ mai một, đâu còn của báu của tiền nhân.

b. Hai là các chân sư sợ rằng “kẻ tục” sẽ tạo nên thị trường địa lý, dù chưa tinh thông. Như vậy sẽ gây tai hại cho đời, nếu sự phổ biến nó quá dễ dàng.

Sau khi hoàn tất bộ sách này, may thay tác giả đã cố gắng làm tròn được hai quan niệm mâu thuẫn nhau như trên, và các bậc chân sư, sau khi đọc xong bản thảo, đã thở phào nhẹ nhõm và nói:

“Viết sách Địa lý như thế này thì thật là tuyệt diệu. Một trăm, một ngàn năm sau, 2 bộ sách này vẫn là sách chân địa lý. Đời sau đọc nó không còn chê trách tiền nhân ở điểm nào. Thôi chúng tôi cũng an lòng và tán thành việc xuất bản nó”.

Mong rằng quý vị độc giả thông cảm cho những nỗi thắc mắc trình bày ở trên.

Để cho có toàn bộ chân địa lý cho người Việt Nam chúng tôi sẽ khai thác các sách địa lý có giá trị như:

1. Địa lý Tả Ao tiên sinh truyền (của cụ Tả Ao).
2. Lưu Xá Hòa Chính bí truyền địa pháp (của cụ Hòa Chính)
3. Dương gia bí pháp (phối hợp địa lý với các khoa địa lý học Đông phương).
4. Bích ngọc kinh (cổ thư địa lý Trung Hoa).
5. Thanh nang kinh (cổ thư Địa lý Trung Hoa).

Từ mấy trăm năm nay sách địa lý có rất nhiều, nhưng phần lớn là man thư, năm bộ sách nêu trên được coi là bậc nhất chân thư. Các bậc tiền bối của chúng ta, chỉ mong mỗi kiếm làm sao cho được một hai bộ trong năm bộ sách kể trên nghiên cứu, là mãn nguyện. Chúng tôi đã dịch xong bộ thứ nhất: Địa Lý Tả Ao tiên sinh truyền. Bộ Địa Lý Tả Ao tiên sinh truyền sẽ ra mắt quý vị độc giả sau bộ này. Bên cạnh bản dịch có kèm theo nguyên bản để tiện tra cứu và so sánh. Chúng tôi được biết vì sự sao chép cổ thư cầu thả nên hiện nay trên toàn quốc có tới 6 nguyên bản Địa Lý Tả Ao và bản này được coi là chính bản

Sau hết chúng tôi cũng xin thưa trước cùng quý vị độc giả là bộ sách Dã Đàm Tả Ao này được trình bày khác bộ

Địa Lý Tả Ao xuất bản năm 1969. Bộ Địa Lý Tả Ao nặng về mô tả và định nghĩa thì bộ Dã Đàm Tả Ao lại bắt đầu thoát phép mô tả, để tiến lên phần luận. Phần luận sẽ làm cho nhiều quý vị mới học ưa thích vì nó như đưa quý vị đến nhiều khía cạnh đặc sắc hơn, nhưng nếu nệ vào nó quá sẽ nhầm lẫn, nên một số các vị chân sư đã muốn chúng tôi bỏ đi. Sau khi xét đi xét lại các vị lại đồng ý là có thể để được, vì nếu học cao hơn, nhất định phải vượt từ mô tả qua luận rồi đến triết mới có hy vọng đạt được phần cao nhất: “khai phóng mà vẫn không sai nhầm” của khoa Địa lý. Đạt được đến đây mới thành chân sư của khoa địa lý. Mong quý vị lưu tâm và chúc quý vị thành công.

Xuân Giáp Dần 1974

Cao Trung

DÃ ĐÀM TẢ AO

Tâm – Long Gia - Truyền Bảo – Đàm

CHƯƠNG THỨ NHẤT MỞ

1. Đấng làm quân tử đạo ta
2. Ơn vua, ơn chúa, ơn cha, ơn thầy.
3. Có làm báu cả xưa nay.
4. Văn chương, y dược, đạo này là ba
5. Lấy làm ba Bảo truyền nhà.
6. Song le địa lý thật là thần tiên
7. Học thầy khẩu thụ tâm truyền.
8. Nhiệm màu mọi vẻ, kính tin mười phần.
9. Đạo cao, đức trọng, chưng thân.
10. Hồ long liên phục, quý thần liên kinh.
11. Đức, nhân vốn ở cả mình.
12. Trước là tích đức, sau là tầm long.

CHƯƠNG THỨ HAI TỪ LONG KHỞI TỔ ĐẾN HUYỆT TRƯỜNG

13. Nẻo xa liền hỏi tổ tông.
14. Bởi đâu hòa đến mạch long địa hình
15. Nước phân chữ bát phân minh
16. Hai bên chảy thuận, loan hình tổng long.
17. Cửa trời, trên đã mở thông
18. Thượng phân là đấy, chính long thực vào.

19. Đến đâu hai nước tổng giao
20. Ấy dưới cửa đất, đóng vào cần thay
21. Hạ hợp là đất vậy vay
22. Nơi chính thủy tụ, thực hay chẳng nhảm.

CHƯƠNG THỨ BA

24 LONG NHẬP THỦ

23. Đáo đầu nhất tiết hạ chàm
24. Thấu long cho biết lai lâm chữ gì.
25. Biết phương Nam Bắc Đông Tây
26. Hai mươi bốn vị, can chi chữ nào

CHƯƠNG THỨ TƯ

ÂM DƯƠNG LONG THEO LÝ KHÍ

27. Nhận xem cho biết long vào
28. Âm long, âm hướng, thủy toàn phóng âm
29. Dương long, dương hướng chớ nhảm
30. Thủy phóng dương vị, luận âm dụng gì?

CHƯƠNG THỨ NĂM

ÂM DƯƠNG LONG THEO HÌNH THỂ CAO THẤP

31. Âm dương lại có phép kia
32. Âm lai dương thụ, âm su dương hồi
33. Âm là gò đồng đất ghềnh
34. Dương là ruộng phẳng đất bằng như lai
35. Núi non kia cũng âm hoài
36. Long cường thì chớ huyết nơi cao cường
37. Long nhược nơi thấp chớ màng
38. Lai dương hỏa lại dương thì bằng chi.

CHƯƠNG THỨ SÁU

LONG TẢ TOẢN VÀ LONG HỮU TOÀN.

39. Ruộng giống ngọc sích tiện vi
40. Dương tả, âm hữu, long chia hai đường
41. Tích phòng Đông chí sinh dương
42. Nãi dương Giáp Tý khí sương tả hành
43. Khởi tự Hợi, Tý phân minh.
44. Tiến lên ngăn ngăn, thuận hành tả biên
45. Qua Dần, Mão đến Tuất, Càn
46. Chuyển Hợi nhập cuộc, chi huyền phân minh
47. Quần tiên đi, có tống nghinh
48. Mạch nào bên hữu đã đành chân long
49. Xa nhận nước ở tả cung
50. Dương thủy chảy lại, hội đồng thiên tâm.
51. Đạo trời hạ chí sinh âm.
52. Nãi âm Giáp Tý khí lâm hữu toàn.
53. Tòng Tý nghịch suy Hợi, Càn
54. Qua Dậu, Thân, Tuất đến bên Mão, Dần.
55. Nghịch hành về Cấn, Sửu hành.
56. Chuyển tả nhập cuộc ấy phần Dương long
57. Dù hòa thấy nước hữu cung.
58. Âm thủy chảy lại hội đồng giao dương
59. Âm long dương thủy đã tường.
60. Dương long, âm thủy đôi đường gặp nhau.
61. Bên trước nước đã hợp châu.
62. Lại nhận có đồng bên sau chẳng là
63. Hoàn long thì nước thực thà.
64. Dù chẳng có nước ắt là đối không
65. Âm dương đã có thư hùng
66. Cửa nhà đã hợp vợ chồng liên giao.

- 67. Ất là khí dựng thai bào
- 68. Tự nhiên sinh dục, lẽ nào vậ vạy
- 69. Chân long chính huyết ở đây
- 70. Ấy đất hoành ky lời thầy truyền ta
- 71. Kết thoái dư khí còn xa
- 72. Hoặc đi trăm dặm mới ra chiêu thần.

CHƯƠNG THỨ BẢY

THỦY PHÁP

- 73. Muốn sinh: tử tức, vượng nhân.
- 74. Thì tìm sinh vị bản thần triều lai
- 75. Muốn thăng: quan tước, lộc tài
- 76. Thì tìm Vượng vị, thủy lai hội đường.
- 77. Cứ nơi mạch ấy cho tường
- 78. Tả thuận hữu nghịch, đôi đường cho thông.
- 79. Lập huyết, tọa hướng, mới dùng
- 80. Cứ phép bảo lại, Huyền Không Ngũ Hành.
- 81. Cứ như thủy pháp Nang Kinh
- 82. Kim, Mộc, Thủy, Thổ thông minh như lễ
- 83. Năm hành phỏng luận mộc vi
- 84. Bính mộc Giáp, Ất, Giáp thì mộc dương
- 85. Ất là âm mộc đã tường
- 86. Phỏng đây suy biết âm dương ngũ hành.
- 87. Cứ đó mà khởi tràng sinh.
- 88. Giáp sinh tại Hợi, Ất dành Ngọ cung
- 89. Hợi thuận, Ngọ nghịch hai dòng.
- 90. Hẳn còn xuôi ngược cho thông một vì
- 91. Nước sinh nước vượng châu về
- 92. Nước Tử, nước Tuyệt chảy đi mặc lòng.
- 93. Cứ hướng làm chủ bản cung

94. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa cho thông hướng nào.
95. Nhất thì được nước sinh vào
96. Nhì thì được nước khắc vào hướng ta
97. Mong sao sinh khắc đến ta.
98. Là nước ấy có ích chí ta hòa dùng.

CHƯƠNG THỨ TÁM

LUẬN: THẤU LONG

99. Phép trong Ngọc sách đã thông.
100. Bền mới lại luận thấu long cho tường
101. Nhâm long ngôi ở đầu hàng.
102. Bính Tý chính khí một phương chớ rời.
103. Khảm Long, Canh Tý chính ngôi.
104. Quý long: Đinh Sửu là nơi bản về
105. Sửu long: Tân Sửu kể đi
106. Cấn long chẳng lệch hào ly: Mậu Dần
107. Dần long: chính khí Nhâm Dần.
108. Giáp long: Đinh Mão là phần chính cung.
109. Mão long: Quý Mão thì dùng.
110. Canh Thìn chính khí: Ất long đang quyền.
111. Thìn long: chính khí Giáp Thìn.
112. Tốn long: Tân Tỵ đã yên một dòng.
113. Tỵ long: Ất Tỵ thấu long
114. Bính long: Nhâm Ngọ phép trong nhiệm mầu.
115. Ngọ long: Bính Ngọ làm đầu.
116. Thánh hiền truyền dậy trước sau ghi lòng.
117. Quý Mùi: là chính Đinh long
118. Mùi long: Đinh Vị, Khôn dòng: Giáp Thân.
119. Mậu Thân: chính khí long thân.
120. Canh long: Ất Dậu là phần chính Canh.

- 121. Kỷ Dậu: chính khí Đoài tinh
- 122. Bính Tuất: chính khí địa hình long Tân.
- 123. Tuất long: Canh Tuất bản phần
- 124. Càn long: Đinh Hợi sai phân chớ hê.
- 125. Hợi long, Tân Hợi một vì
- 126. Dành dành chính khí thấu suy đã tường.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

LUẬN: HƯỚNG NGUYỆT CỦA 24 LONG

- 127. Lai luận: long, hướng các phương.
- 128. Tà khí, tạp, bác, âm, dương cho thuần.
- 129. Nhâm long: ba hướng khả phân.
- 130. Phương: Ngọ, Khôn, Ất xoay vắn kể chi.
- 131. Tý Long: Khôn hướng về một bề
- 132. Quý long: hay huyệt hướng về Ngọ, Khôn
- 133. Sửu long: Bính hướng vì tôn
- 134. Cấn long tám huyệt kể tồn từng ngôi:
- 135. Bính, Đinh, Canh, Tân, Ty, Mùi
- 136. Tốn, Đoài tám hướng, trạch chính an ngôi
- 137. Dần long: hai hướng Khôn, Thân
- 138. Giáp long: định hướng về phần Càn Khôn
- 139. Mão long: bốn hướng kể rồn
- 140. Canh, Tân, Đinh, Hợi đã yên một bề
- 141. Ất long: khôn hướng một vì
- 142. Thìn long: hai huyệt hướng về Càn, Khôn
- 143. Tốn long: Tân, Hợi, Cấn môn
- 144. Dục ba hướng ấy là khôn sánh tày
- 145. Ty long: một hướng Hợi thân.
- 146. Bính long, bốn huyệt kể bày làm nơi
- 147. Hợi, Canh, Tân, Cấn, hướng ngôi

148. Ngọ long: hai hướng về trời: Quý, Nhâm
149. Đinh long: Cấn, Hợi thuần âm.
150. Mùi long: một hướng cục nhằm: Cấn ly
151. Khôn long: phương Quý hướng đi
152. Thân long: Quý, Giáp hai vì cho mình
153. Hướng: Mão, Cấn là long Canh
154. Cấn, Tốn, Ty hướng đã đành: Dậu Long
155. Tân long: Tốn, Mão, Cấn cung
156. Ngồi một hướng Ất: Tuất Long địa bàn
157. Cùng theo hướng Ất: Long Càn
158. Bính, Tốn, Đinh hướng Long đồng: Hợi long

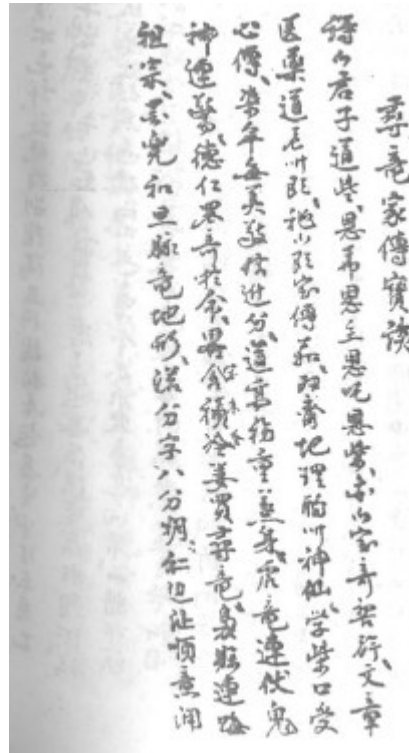
CHƯƠNG THỨ MƯỜI

ĐOẠN KẾT

159. Âm long, Âm hướng thủy đồng.
160. Dương long, Dương hướng Thủy cung một bề
161. Âm, Dương đều đã hòa suy
162. Mọi đều nhiệm nhật, trước suy đã tường.
163. Báu này, yêu tựa ngọc vàng
164. Được thì nên trọng, nên sang, nên giàu.
165. Lấy tín, lấy kính làm đầu.
166. Đạo có sở cầu, chí có ắt nên.
167. Lọ là cười hạc, đeo tiền
168. Trước tiên học lấy thần tiên trên đời
169. Ất là gọi có chúa tôi.
170. Mưa móc ơn trời, phúc thay thượng thư
171. Hòa nhà phú quý phong lưu
172. Con con, cháu cháu thiên thu dõi truyền.
173. Đến khi vui đạo Thánh Hiền
174. Ứng lời học trước, thần tiên chép bàn.

TẢ AO TIÊN SINH

Tờ 1. Nguyên bản TẦM LONG GIA TRUYỀN BẢO ĐÀM



Tờ 2. Nguyên bản Tầm Long Gia Truyền Bảo Đàm



Tờ 3. Nguyên bản TẦM LONG GIA TRUYỀN BẢO ĐÀM



1. Đấng làm quân tử đạo ta
2. Ơn vua, ơn chúa, ơn cha, ơn thầy.
3. Có làm báu cả xưa nay.
4. Văn chương, y dược, đạo này là ba
5. Lấy làm ba Bảo truyền nhà.
6. Song le địa lý thật là thần tiên
7. Học thầy khẩu thụ tâm truyền.
8. Nhiệm màu mọi vẻ, kính tin mười phần.
9. Đạo cao, đức trọng, chứng thân.
10. Hồ long liên phục, quý thần liên kinh.
11. Đức, nhân vốn ở cả mình.
12. Trước là tích đức, sau là tầm long.

1. Đấng làm quân tử đạo ta 2. Ơn Vua, ơn Chúa, ơn Cha, ơn Thầy

Tìm hiểu học thuật tư tưởng trong văn học sử Việt Nam, kể từ nhà Đinh là thời kỳ bắt đầu được tự chủ cho đến đời cụ Tả Ao, ta thấy có 4 giai đoạn:

1. Thời Đinh, Lê (tiền Lê), mỗi triều đại chỉ được một hai đời vua. Hai triều đại này vì dùng võ công tranh thủ tự chủ, và tư tưởng, học thuật chưa được phát triển, do đó chưa tạo lập được văn hóa độc lập, làm nền tảng cho văn hóa chỉ đạo dân tộc. Rồi khi sức mạnh quân sự không còn nữa, là tàn rụi. Đây là lý do sâu xa của sự ngăn ngủ 2 triều đại Đinh, Lê.

2. Đến đời Lý, nhờ có Vạn Hạnh thiền sư, sau khi giúp Lý Công Uẩn lên ngôi cửu ngũ, lại khéo đem Phật học,

dung hòa Nho và Lão - tạo ra tinh thần tam giáo làm nòng cốt cho tư tưởng, học thuật, nên quốc gia bền vững và nhà Lý làm vua đến 8 đời.

3. Tiếp theo, đời Trần nhờ sẵn tinh thần tam giáo hun đúc từ Lý triều, khả dĩ có sức mạnh tinh thần tiềm tàng đáng kể, lại thêm có vua Thánh, tôi Hiền cũng nên cũng thịnh trị và chiến thắng oanh liệt được quân Nguyên, giữ được nền độc lập để tiếp tục phát huy văn hóa dân tộc.

Ngoài ra nhà Trần lại cố gắng phát triển Nho học, để xã hội được tổ chức theo kịp trào lưu văn minh Nho giáo (dù các Vua nhà Trần đều mộ đạo Phật). Đạo Nho nhờ đó mới có cơ sở và trường thành được vào Triều Lê.

4. Đến đời Lê thì Nho giáo không những trưởng thành, mà còn trở nên gần như lấn át cả Phật và Lão. Đóng vai trò quan trọng trong tinh thần tư tưởng học thuật Việt Nam. Cụ Tả Ao sinh vào cuối đời Lê dù là nhà địa lý cũng bị ảnh hưởng sâu đậm của tinh thần này, nên câu mở đầu bài Tầm Long Gia Truyền Bảo Đàm, ta đã thấy ngay tinh thần nho giáo.

(1) Đáng làm quân tử đạo ta

Đạo ta là đạo làm người quân tử của Nho giáo. Nho giáo phân biệt 2 hạng người:

Quân tử và tiểu nhân. Người quân tử thì phải lấy tam cương và ngũ thường làm gốc, kẻ tiểu nhân thì không thể.

Tam cương là: - Quân (Vua)

- Sư (Thầy)

- Phụ (Cha)

Ngũ thường là: - Nhân

- Nghĩa

- Lễ
- Trí
- Tín

Rồi đến câu thứ hai, cụ phải trước tiên, chứng tỏ tinh thần tôn quân: ơn Vua, Chúa trước rồi đến Cha và Thầy sau.

(2) Ơn Vua, Ơn Chúa, Ơn Cha, Ơn Thầy

Nhưng đời cụ Tả Ao có vua Lê lại có cả Chúa Trịnh nữa, mà Chúa Trịnh lại quyền hành hơn Vua Lê, nên cụ Tả Ao không dám chỉ nói đến vua, mà phải nói đến cả Vua lẫn Chúa, cho Chúa Trịnh khỏi nghi ngờ (ơn Vua, ơn Chúa, ơn Cha, ơn Thầy).

(3) Có làm báu cả xưa nay (4) Văn chương y được đạo này là ba

Các nho sĩ chú trọng nhất là văn chương, nhì đến y lý, ba đến địa lý và cuối cùng đến lý số.

Cái học của Nho gia không phải chỉ giới hạn vào từ chương, thơ phú mà là môn học bao gồm kiến thức của người cán bộ Nho giáo, trong đó có phép giữ đạo làm người (đạo đức), rồi đến cách thờ Vua giúp nước (kể cả chính trị lẫn quân sự). Một nho sĩ muốn là nhà chính trị và quân sự giỏi, thì trên phải thông thiên văn, dưới phải đạt địa lý, ngoài ra phải biết các khoa bói toán, để trù liệu và hỏi thần linh những gì mà con người không thể quyết định được chắc chắn. Nhà Nho, nếu tiến lên thì làm quan. Khi lui lại thì phải “đạt vi sư”.

Với quan niệm đó, nhà nho nếu một khi không làm nổi công nghiệp thì các cụ sẽ quay về nghiên cứu y lý để chữa bệnh cho thiên hạ, đó cũng là một cách hành đạo tiêu cực. Những y sĩ có tâm đạo chỉ cốt làm thuốc để giúp đời hơn là cốt làm giàu. Họ làm nghề này với mục đích chính

là chữa bệnh cứu đời, dù có tiền hay không cũng chữa. Con bệnh nếu có tiền trả thì y sĩ cũng không nỡ tính tiền công quá đáng - Kể nghèo khó cũng được tận tâm săn sóc như người sẵn tiền. Có những vị làm thuốc chỉ mong đủ ăn. Thân chủ đông thì lại tính tiền thuốc nhẹ đi. Nhiều vị, chỉ tính tiền thuốc sao cho đủ chi dùng một cách khiêm nhường, để hành nghề, chứ không mong là khi được đông thân chủ, lại càng tính giá cao, để làm giàu. Làm thuốc như vậy, cũng là một cách thể hành đạo ở đời.

Sau Y Lý đến khoa địa lý. Nếu nho học, các cụ gọi là đạo nho, y lý cũng là đạo làm thuốc thì khoa địa lý cũng là đạo địa lý, bởi vì nhà chân địa lý, cũng dùng sự hiểu biết của mình để làm việc chu toàn mỗi đạo, mà thánh hiền đã đề xướng. Đạo địa lý khác hẳn những thầy địa lý “xôi thịt”. Người xưa học địa lý trước là báo hiếu. Họ cố tìm cho được ngôi đất kết để giữ năm xương tàn của cha mẹ cho lâu tiêu hủy thành đất. Họ nghĩ rằng khi xương cốt ông bà, cha mẹ, chừa thành đất, thì người vẫn có thể, luôn luôn trở về, sống trên bàn thờ, ở trong gia đình, với con cháu phù hộ và giúp đỡ con cháu, cùng dự phần vui buồn với người sống. Sau nữa, nếu được đất kết thì con cháu cũng nhờ có ngôi đất đó mà làm ăn hưng phát, dài dòng lớn họ, vẻ vang cho người đã quá cố. Ngoài ra, nhờ có đất kết, mà dòng dõi trở nên trâm anh, thế phiệt, giữ được danh thơm truyền thống và để cha mẹ đã quá cố cũng được vui lòng, dù người đã không còn sinh sống với con cháu, trên cõi trần gian này nữa.

Học địa lý, ngoài cách báo hiếu như kể trên,, các cụ còn dùng sự hiểu biết địa lý của mình để làm việc nghĩa. Các cụ thấy ai nhân đức, hiền lành, mà quá nghèo, hoặc

không có con trai nối dõi, thì các cụ có sứ mạng thay trời giúp cho người nhân đức đó một ngôi đất “cứu bản” hoặc “thêm đình”. Cũng có khi các cụ dành những ngôi đất kết rất lớn cho những ai có công với quốc gia xã hội. Các cụ tin rằng làm địa lý giúp đời như thế, lại còn tạo thêm đức cho nhà mình cũng như là mình làm một nghĩa lớn vậy. Ngoài ra, nhà địa lý chân chính, không bao giờ vì tiền, mà để đất lớn cho những người kém đức. Làm địa lý với ý hướng như trên, cũng là hành đạo như chân nho sĩ và chân y sĩ. Do đó, cụ Tả Ao cho khoa địa lý cũng là đạo, và văn chương, y dược, địa lý là ba đạo:

(4). Văn chương, y dược đạo này là ba

Nho, y, lý, số là 4 nghệ của nho sĩ, nhưng lý số các cụ cho là phụ, vì khoa bói toán ít thiết yếu cho việc hành đạo. Các cụ chỉ quý có 3 thứ trên: Nho, Y và địa lý. Các cụ gọi 3 khoa này là 3 cửa báu của con người tri thức. Nếu có gì sở đắc thì nên truyền lại cho con cháu để hậu thế dễ có phương tiện, tiếp tục hành đạo.

(5). Lấy làm ba bảo truyền nhà

Tuy khoa địa lý là của báu thứ ba, trên khía cạnh hành đạo, nhưng khoa này lại có một cách thể đặc biệt, khiến cho người có tâm hồn phóng khoáng, yêu thiên nhiên, cỏ cây, non nước, khi thực hành thì nó thấy mình có những thú vị thần tiên.

(6). Song le địa lý thật là thần tiên

Tâm hồn Á Đông (là tâm hồn tổng hợp) khác với Tây phương (chú trọng về phân tích). Tây phương: có làm việc, dĩ nhiên họ có du hý, nhưng sự làm việc và du hý bên Á Đông lại liên kết với nhau một cách chặt chẽ hơn Tây Phương. Ta thấy những văn thơ tỏ ý chí hành động của người Á Đông, luôn luôn có ý chí hành lạc bên cạnh.

Những thơ văn của Nguyễn Công Trứ, tỏ rõ sự bất phân biệt hành lạc và hành động, một cách rõ rệt. Con người tổng hợp Á Đông khi hàn vi nhàn du thì nghĩ đến sẽ thực hiện chí hướng và khi đang thực hiện chí hướng lại mơ màng đến sự hưởng lạc cho tâm hồn được quân bình. Thế mà khoa địa lý lại còn hơn thế nữa, nó cộng luôn việc làm với hưởng lạc vào một lúc.

Con người địa lý ra ngoài thiên nhiên tìm đất kết, đồng thời họ thực hiện các cuộc thú vui du sơn du thủy.

Cái thú “Ngao du nơi hàn cốc, thanh san” là cái thú hưởng lạc với thiên nhiên của Nguyễn Công Trứ, sau khi công thành danh toại, sau khi đã sống đủ và đã làm trọn chí trai. Nhưng với nhà địa lý thì hành lạc lại đồng thời một lần với hành nghề. Ngao du đó đây là cách hành lạc của đạo Lão, đạo Tiên. Đi vào thiên nhiên, nhìn núi xanh, mây trắng, ánh chiều vàng, nhìn cỏ non đượm sương mai lóng lánh, nghe suối chảy rì rào bên rừng thu vắng, đem nhân giới nhập vào nhiên giới, nối cái hữu hạn của loài người vào cái vô hạn của vũ trụ, là thú thanh tao, thần tiên, say đắm, thích hợp cho tâm hồn có vũ trụ chi tâm.

(6) Song le địa lý thật là thần tiên

Khoa địa lý, nếu ta gọi là một nghề, thì nghề này cũng có nghệ thuật như các nghề thơ, họa, kiến trúc v.v.. khác. Có nghệ thuật thì có sáng tác. Khoa địa lý trong lúc hành nghề, tâm trạng con người khi nhìn núi sông sắp xếp do thiên nhiên, họ thấy sống động khác thường. Sống động theo lẽ biến dịch đủ cả âm dương, ngũ hành của dịch lý. Họ không coi đất đai đồi núi là những vật vô tri, xa lạ mà coi nó như những sinh vật rất gần gũi với người. Đó là

phép nghi nhân và thác vật của những tâm hồn nghệ sĩ. Trong câu thơ “Gió đưa cành trúc la đà” ta thấy vật giới (cây trúc) cũng ngã nghiêng la đà, như con người say cảnh thiên nhiên lòng rộn nổi niềm. Nhà thơ mời Hàn Mạc Tử cũng đưa sinh khí, cảm giác của con người vào tĩnh vật; một hình thức thác vật rất sinh động: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

Thác vật, để cho vật vô tri trở thành có ý nghĩa, có sinh động thì nhà Địa lý nhà nghệ sĩ thiên nhiên với quan niệm dịch lý cũng nhìn toàn thể vật vô tri như: sông núi, cỏ cây, là những cái gì sống động, có sinh hoạt như người, sinh hoạt theo dịch lý.

Này, núi cao là tượng âm thì chỗ thấp, bằng là dương, núi chủ tĩnh thì nước ngược lại, chủ động. Mạch đang âm (cao) thì chạy đến chỗ kết huyết, nó phải đổi sang dương (bằng) cũng như mạch chạy dương (bằng) thì kết huyết lại chuyển âm (cao). Thậm chí trong vỏ đất, họ cũng cho là có luồng sinh khí luân lưu, chạy từ tổ sơn về, theo núi phân chia ra nhiều mạch, mỗi mạch chạy đến chỗ nào đủ hợp, đủ độ âm dương thì khí mạch đó tụ lại, kết huyết, cũng như ngựa cây trong thân cây đến chỗ nào tụ lại thì đâm bông, kết trái, tạo nên sự hiển dương tinh hoa của cây cỏ.

Nhìn thế đất từ tổ sơn đi ra, họ cũng có quan niệm như nhìn cuộc di hành của một đám rước, hoặc cuộc đưa đón một đại quan trên lộ trình. Khi đang đi, thì có long, sa và thủy, hộ vệ, hai bên quân gia, tiền hô, hậu ủng, khi kết huyết thì giống như chỗ khai triều của vị Đế Vương hay nơi khai đường của một vị Đại quan; cũng có tứ linh

xung quanh, có bút nghiên ở gần, có án ở đằng trước, có kỳ ở sau lưng, có tay phải tay trái ôm vòng như vị đường quan hoặc vị đế vương ngồi nghị sự, ngồi khai triều phê sớ, phê án v.v.. hoặc khung cảnh vị võ quan đang chỉ huy ba quân. Cách thác vật và ghi nhân của nhà địa lý sinh động như thế. Những cuộc đất nhỏ độ vài mẫu, lớn độ vài chục, vài trăm, vài ngàn mẫu đều được thu vào nhãn quan họ, thành những hiện trạng, tuy đa hình, không cuộc đất nào giống cuộc đất nào, nhưng cùng một nguyên tắc dịch lý, thoát thai của triết học Đông phương: Thế rồi, những nhà địa lý, mỗi khám phá ra một cuộc đất là một sáng tác khác nhau. Mỗi sáng tác lại cho nhà địa lý thêm một số tiền kinh nghiệm để làm vốn sáng tác những thế đất kế tiếp khác. Kỳ lạ là sáng tác lại là công việc tìm ra vẻ đẹp của cái gì đã có sẵn trong thiên nhiên. Mỗi lần đối cảnh lại mỗi lần sáng tác thêm.

Như vậy nhà địa lý cũng là nhà nghệ sĩ thiên nhiên và nói cách khác là nhà nghệ sĩ “thần tiên” với tinh thần đó, nhà nghệ sĩ Tả Ao hạ bút phê câu:

(6) Song le địa lý thật là thần tiên

thì thật là tuyệt.

(7) Học thầy khẩu thụ tâm truyền (8) Nhiệm màu mọi vẻ kính tin mười phần

Hai câu trên cụ Tả Ao muốn xác định lại giá trị của khoa địa lý. Từ trên cả ngàn năm nay, nó là khoa bí hiểm nhất của huyền học Á Đông. Có nhiều chứng cứ cho thấy là nó có thật. Đó là những ngôi đất kết phát, tạo ra bao nhiều anh hùng, hào kiệt, vua chúa, phú ông, văn sĩ v.v.. Nhưng mặt khác, nó lại gieo vào lòng nhiều người mỗi nghi ngờ, bởi có nhiều người học nó mà không đạt được kết quả, dù những vị đó là những nhà khoa bảng, tiến sĩ,

cử nhân, văn hay, chữ tốt, học rộng tài cao! Cho đến nay mỗi nghi ngờ đó vẫn còn làm nhiều người nghiên cứu nó phải thắc mắc, nhất là các nhà học giả tây phương đã đem các phương pháp khoa học để tìm hiểu nó, giải thích nó mà hình như nó vẫn lẫn trốn. Những sách khảo cứu về địa lý của Tây phương, có rất nhiều nhưng có một quyển sách mà người Âu Tây cho là có giá trị nhất do học giả Ernest J Eitel...M.A.Ph.D of the London Missionary Society viết. Sách này được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Một vị giám đốc viện bảo tàng Quimet của Pháp tên là M.L.de Moutillé cũng dịch quyển này sang tiếng Pháp lấy tên là:

FENG SHOU

ou

Principes de science nafurelle de Chine

Sau khi đọc nó xong chúng tôi sức nhớ đến một cuộc đàm luận về địa lý và câu nói của một vị chân sư Địa lý Việt Nam đã 40 năm nghiên cứu và thực hành địa lý như sau:

“Khoa địa lý này, người Âu Châu đã nhiều trăm năm cố khám phá, trong đó có cả các vị Cố đạo, các nhân viên các tòa đại sứ. Nhưng đến nay họ vẫn không đạt được chân địa lý”.

Chúng tôi hỏi về lý do thì vị này trả lời “Phi người Á Đông có tâm hồn đạo, tâm hồn dịch lý của Á Đông, gặp được chân sư chỉ điểm, có chân thư để học và yêu nó rồi thực hành nó nhiều năm trên đất thì không thể nào đạt được khoa này. Suy ngẫm ra, riêng tôi thấy là đúng vì quyển sách coi là giá trị về Địa lý mà người Âu Tây đặc ý kể trên, sau khi xem xong, riêng tôi cũng nhận thấy

quyển đó chưa trình bày được 1/3 chân địa lý, bởi lẽ giản dị nhất là nó mới chỉ có cái nhìn vật chất và phân tích một cách phiến diện mà thôi.

Có vị hỏi thế còn sách Địa lý bằng chữ Hán thì sao? Có giá trị và đầy đủ không?

Thưa rằng: Khoa Địa lý có nhiều bí ẩn liên quan đến sự thực hành trên đất mà các sách không sao nói được hết. Nghiên cứu nó mà không có thì giờ thực hành thì dù có sách hay cũng phải thiếu sót quá nữa. Có thực hành mà không được chân sư thì điểm cho thì cũng tốn nhiều công lao vô ích:

Thì đây cụ Tả Ao, con người học được chân thư, chân sư và thực hành địa lý mấy chục năm liền đã chỉ cho ta biết khoa Địa lý thuộc về tâm học chỉ thụ đắc khi được khẩu thụ tâm truyền:

(7) Học thầy khẩu thụ, tâm truyền (8) Nhiệm màu mọi vẻ kính tin mười phần

Nghĩa là ngoài sách vở ra, muốn nắm bắt được hết tinh hoa của Địa lý phải có chân sư tâm truyền và truyền bằng miệng (khẩu thụ) mới hết chỗ ẩn ảo. Được như vậy mới học được hết nhiệm màu của địa lý và lúc đó mới thấy đúng, mới tin tưởng địa lý.

(9) Đạo cao đức trọng chung thân (10) Hồ long liên phục, quỷ thần liên kinh.

Tuy nhiên phần kết luận ở lời mở này, cụ cũng cho biết là dù có giỏi địa lý cũng chưa chắc hưởng được đất quý, nếu không có đạo cao đức trọng. Hình như có quỷ thần trông coi các ngôi đất lớn.

Có đạo cao đức trọng, sẽ có phúc mà người có phúc thì mới xứng đáng được đất lớn, mà không có hại. Hai câu trên cụ Tả Ao lấy ý nghĩa của câu chữ Hán dưới đây:

Đạo cao: long, hổ phục (đạo cao rồng, hổ cũng phải phục).

Đức trọng: quý thần kinh (đức trọng quý thần cũng phải sợ) để nhắc ta cần tu nhân, tích đức, trước khi lo việc tìm đất kết.

(11). Đức nhân vốn cả ở mình (12). Trước là tích đức sau là tầm long

Đất kết là cửa báu của thế gian trời dành cho người có đức. Đức không phải tự nhiên rơi xuống cho mà chính con người phải tạo ra mới có. Có đức rồi sau mới nên tìm đất kết.

13. Nẻo xa liền hỏi tổ ông.
14. Bởi đâu hòa đến, mạch long địa hình
15. Nước phân chữ bát phân minh
16. Hai bên chảy thuận, loan hình tống long
17. Cửa trời, trên đã mở thông
18. Thượng phân là đấy, chính long thực vào.
19. Đến đâu, hai nước tống giao
20. Ấy dưới của đất, đóng vào cần thay
21. Hạ hợp, là đấy vậy nay
22. Nơi chính thủy tụ, thực hay chẳng nhầm.

Mỗi kiểu đất kết thường nằm trong một cuộc đất. Mà tầm long là tìm cho hết một cuộc đất chứ không phải chỉ tìm ra một huyết trường.

Nhiều người học địa lý không thể tìm ra được một cuộc đất để ấn định huyết trường. Họ chỉ căn cứ vào câu này của cụ Tả Ao để tìm một huyết trường (chỉ là một phần nhỏ của một cuộc đất):

Bên trên trông đồ,
Dưới lỗ cấy chiêm
Hai bên lưỡi liềm quơ lại.

Căn cứ vào bí quyết đơn sơ đó, họ tìm nơi rìa ruộng, bờ sông, hể thấy chỗ nào mạch đất, chạy đến ao hồ hay ruộng chiêm, mà có 2 chi dài, một chi ngắn, thì đoán: chi ngắn là huyết trường và 3 chi dài nếu ôm vào huyết trường, thì họ liền cho đó là tay long và tay hổ. Thật ra

phép tìm đất kết như thế không phải là sai, nhưng chỉ tìm tắt như thế vẫn có thể nhầm. Số là có nhiều khu đất có hình thể như vậy mà không có huyết, bởi huyết là chỗ tận cùng của long mạch, còn chỗ kia có thể chỉ là một cái vẩy, cái bấu của thân long chứ không phải là nơi tận cùng kết huyết. Nó chỉ giống những huyết kết, nhưng không phải là huyết kết.

Các cụ gọi chỗ trông giống huyết mà không phải là đất kết này là giả huyết. Táng vào đây không bao giờ được kết phát. Tuy nhiên cũng có vài người tìm phép 2 chỉ dài 1 chỉ ngắn như trên lại trúng huyết thật, nhưng mà là họa hoàn, rất hiếm.

Muốn chắc ăn ta có thể tìm thấy một chỗ nào như trên, rồi coi nó như là giả thiết một huyết kết, từ đó ta sẽ tìm tiếp theo lên nữa cho tới phát tổ sơn của nó tức là nơi phân long (chân mạch) xuống đất kết. Phát tổ sơn hay nơi phân mạch cũng ví như chỗ phân chi của một cành cây, mà chỗ đất kết là nơi đâm bông, kết quả (trái). Được như vậy rồi lại phải có cái nhìn tổng quát của cả một khu vực có cuộc đất từ gốc đến ngọn ta mới có được nhận định rõ rệt về toàn thể khu vực có đất kết. Nếu là huyết thật, thì may mắn biết bao, trường hợp là giả huyết thật, nơi có đất kết. Hơn nữa nếu học tầm long theo phép tổng quát này, khi tìm được huyết thật rồi, nhờ có cái nhìn bao quát, ta mới hiểu được là cuộc đất lớn hay nhỏ, tốt hay xấu, một cách chính xác. Cũng có khi nhờ nó, mà sau khi đi lại xem xét kỹ lưỡng, ta lại còn khám phá ra một hay huyết kết nữa. Có khi một hai kiểu đất kết tìm ra sau là huyết kết bàng mà huyết tìm ra trước mới là huyết chính. Trái lại cũng có khi huyết trước chỉ là huyết bàng mà

một, trong những huyết tìm ra sau mới là huyết chính. Phải nhìn toàn thể cả mấy huyết ta sẽ thấy rõ rệt là huyết chính phần nhiều ngay ngắn và huyết bàng ở tay long thường quay sang phải, cũng như huyết bàng ở tay hổ thường quay sang trái – Lý do là hai huyết này ở hai bên triều vào huyết chính.

Rất có thể có trường hợp huyết bàng lại tốt và đẹp hơn huyết chính như kiểu đất nhà Lưu Bang, có những nô bộc (Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà v.v..) giỏi hơn Lưu Bang (nhưng triều phục Lưu Bang).

Huyết bàng không những có thể ở tay long, tay hổ mà còn có trường hợp nó ở ngoại long, ngoại hổ hay ở một mảnh sa nào triều về huyết chính nữa. Nếu tìm được cả chùm như vậy, ta sẽ thấy rất thích thú, như có cả một chùm hoa, để ta muốn chọn hoa nào (hay chọn huyết nào) mà ta thích.

Có người mong kiếm huyết giàu, có người mong kiếm huyết sang, trái lại có người chỉ mong kiếm huyết sinh con trung hiếu hiền lương, suốt đời vô tai nạn.

Như vậy ta phải xem từ đất kết lên tới tổ sơn để biết đất kết này phát nguyên từ đâu, và đâu là khởi mạch cho khu vực này.

(13) Nẻo xa liền hỏi tổ tông (14) Ở đâu hòa đến mạch long địa hình

Dưới đây cụ Tả Ao chỉ cho ta hình tích long mạch từ tổ sơn:

(15) Nước phân chữ bát phân minh (16) Hai bên chảy thuận, loan hình tổ long (17) Cửa trời trên đã mở thông (18) Thượng phân là đấng chính long thực vào.

Từ tổ sơn, nơi phát khởi ra mạch đất có đất kết, cho đến khu vực có đất kết, gọi là một cuộc long.

Một cuộc long có ba phần:

1. Một là tổ sơn (nơi phát xuất ra cuộc đất)
2. Hai là hình long (tức phần nổi tổ sơn với huyết trường).
3. Ba là huyết trường (nơi có huyết kết).

Ta thấy nước hai bên khe, cạnh thân long ở tổ sơn thủy xuống trên thì gần và dưới thì xa nhau ra, trông như chữ bát, như câu tả dưới đây:

(15) Nước phân chữ bát phân minh

Nước có chảy thuận theo chiều long ở tổ sơn đi - chảy khuất khúc (loan hình) bên cạnh long, khi sắp lại gần, khi lui ra xa như đi theo quanh quẩn bên long (tổng long) như câu dưới đây:

(16) Hai bên chảy thuận, loan hình tổng long

Hai bên thân long (thân long là mạch đất). Nước tại phát tổ sơn, chảy phân chữ bát như thế, còn được coi như là nước mở cửa cho long đi.

(17) Cửa trời trên đã mở thông

Long đi từ tổ sơn như thế là chân long, bắt đầu rời tổ ra đi cho đến đất kết. Nước chữ bát ở trên tổ sơn gọi là thượng phân. Long ở chỗ có nước thượng phân là chính long mà theo nó ta sẽ tìm đến huyết kết. Long khởi mạch là đường phân thủy mà 2 bên có nước là 2 đường thông thủy (dẫn thủy) đầu tiên của cuộc long.

(18) Thượng phân là đấng Chính Long thực vào

Thế rồi long đi nước cũng đi theo. Long đi có thể chia ra thành nhiều chi khác. Những chi không kết huyết gọi là long đầu thủ còn chi nào đi đến kết huyết gọi là đến huyết trường. Nước theo long đi, có khi phải vòng vèo qua những long đầu thủ nên có thể xa dần chính long. Nước đi, có thể lấy thêm nước ở các khe nước khác và

cũng có khi nước đó lại chia ra làm nhiều nhánh khác nhỏ, có nhánh theo long, có nhánh chảy đi mất và bao giờ cũng có ít nhất một nhánh nước theo long đi cho đến chỗ long kết huyết. Tới chỗ nào long kết huyết thì ít ra cũng phải có 2 hay 3 nhánh nước đến tụ ở trước huyết trường để làm minh đường.

(19) Đến đâu hai nước tổng giao (20) Ấy đấy cửa đất đóng vào cần thay

Nước Tổng giao nước tụ, chính là chỗ hạ hợp chỗ đóng nước lại cho long không đi nữa, để kết huyết.

(21) Hạ hợp là đấy vậy vậy

Như vậy khi long mới đi, thì nước thượng phân (mở cửa cho long đi) và khi long đến huyết kết thì 2 nước đó lại hạ hợp (để đóng cửa lại).

Do đó mà ta gọi là thượng phân và hạ hợp.

Thiên nhiên trông như vô tri mà bao hàm trật tự và thủy chung (có trước có sau) mới hoàn thành được một sự việc. Con người cũng nên suy ngẫm.

Hạ hợp như thế nước phải tụ ở trước huyết làm minh đường. Nếu không như thế không phải đất kết.

(22) Nơi chính thủy tụ thực hay chẳng nhậm

Có thủy tụ mới có huyết kết, bằng không, chỉ tà giả huyết mà thôi.

Một cuộc Long đi có thể lớn đến vài trăm mẫu. Một huyết trường cũng có thể lớn đến vài mẫu. Ta phải tìm trong khu vực huyết trường xem, chỗ nào là chỗ huyết kết.

Tìm được chỗ huyết kết rồi, ta mới có đối tượng chính xem long, thủy, sa xung quanh huyết trường, tương quan với đất kết ra sao.

Việc tìm huyết kết tại huyết trường cũng khó khăn

lắm vì không có huyết trường nào giống hẳn huyết trường nào. Không thể có một mẫu mực kiểm huyết kết nào nhất định. Tuy nhiên theo nhiều kinh nghiệm tìm huyết kết, ta cũng có thể biết, đại khái công thức như sau:

Hình thể huyết kết không hoàn toàn giống nhau nhưng nếu biết xếp loại thì nó cũng có cát tương tự. Nhờ có cái tương tự này mà ta có thể chia làm 4 loại chính cho dễ nhận chân. Đó là 4 loại hình huyết trường dưới đây:

1. Hình Oa (xem hình 1 và hình 2)
2. Hình Kiểm (xem hình 3)
3. Hình Nhũ (xem hình 4)
4. Hình Đột (xem hình 5).

Ta phân tích Oa, Kiểm, Nhũ, Đột như sau:

1. Oa và Kiểm phần nhiều ở chỗ có mạch sơn cước (có núi đồi).

2. Nhũ và đột phần nhiều ở nơi mạch bình dương (chiều cao thấp của ruộng, ít chênh lệch nhau rõ rệt).

3. Theo kinh nghiệm, ta thấy Oa thì tròn, Kiểm thì dài, dù Oa và Kiểm cùng do núi mà ra.

4. Cũng theo kinh nghiệm ta thấy Đột thì tròn và Nhũ thì dài, dù Nhũ và Đột cùng do đất bình dương mà có.

Trên đây là 4 dạng hình thể huyết kết tại huyết trường gồm: Kết Oa, Kết Kiểm, Kết Nhũ, Kết Đột.

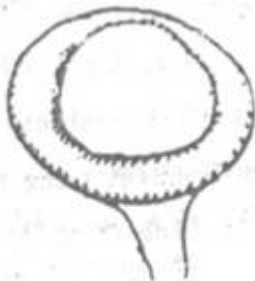
Oa, Kiểm, Nhũ, Đột là 4 hình thể chính. Nhận ra được 4 hình thể chính này rồi, ta còn phải kinh nghiệm nhiều nữa, mới điểm huyết trúng được. Riêng Oa có một biến dạng đặc biệt là Oa đứng (hình 2).

Nhưng nói chung mỗi Oa, Kiểm, Nhũ, Đột cũng đều có biến dạng chút ít, ta phải biết phân biệt để xếp nó vào

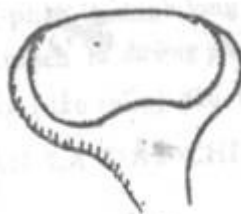
loại nào trong 4 loại nêu trên, thì ta mới thực hành được phép điểm huyết chính xác được.



(Hình 1)
Huyết kết OA



(Hình 2)
Huyết-kết OA đứng



(Hình 3)
Huyết kết KIỀM



(Hình 4)
Huyết kết NHỒ



(Hình 5)
Huyết kết ĐỘT

Những huyết trường có khi rộng đến cả một, hai mẫu mà huyết kết chỉ ngang dọc ba bước là quán khí, vậy ta cũng phải có công thức tìm ra chỗ nào kết huyết trong huyết trường này nữa. Đó là phép điểm huyết.

Điểm huyết tuy khó nhưng không ngoài ba phép:

1. Quân bình âm dương
2. Tìm hình thể quán cục:
3. Tìm chỗ âm dương giao độ:

Khai triển ra ta có:

1. Nếu huyết trường vuông, tròn thì huyết kết hay ở chỗ méo mà hay ở giữa.
2. Nếu huyết trường dài, ta tìm cái đốt, cái tiết.
3. Nếu huyết trường cao, ta tìm chỗ thấp bằng (âm lai,

dương thụ).

4. Nếu huyết trường thấp, bằng, ta tìm chỗ cao (dương lai, âm thụ).

5. Nếu bên phải cao, ta tìm bên trái (vì khí mạch từ phải đổ sang trái)

6. Nếu bên trái cao ta tìm bên phải (vì khí mạch từ trái đổ sang phải)

Tóm lại một câu: ta phải lưu ý tìm chỗ đặc biệt tại khu vực đó, là chỗ: không trong, không ngoài, không trên, không dưới nhưng chính là chỗ âm dương giao độ. Để chắc chắn hơn nữa, ta còn phải nhìn long hổ, án sa nếu những chứng ứng này mà cao, ta tìm huyết kết trên cao. Còn long hổ, án, sa mà thấp ta tìm huyết kết, nơi thấp để cho cân xứng với hình thể: cao, thấp của đất kết.

Chiều cao lý tưởng, của huyết kết, phải từ rốn đến ngang mày người ngồi ở huyết kết.

Như trên đã trình bày ta thấy.

Nhà địa lý không những chỉ muốn kiếm đất kết, mà còn muốn coi cả một cuộc long, từ khi phát tích ở tổ sơn, cho đến huyết kết nữa.

Tầm long là phép theo toàn cuộc đất từ đất kết ngược lên tổ sơn hoặc đi từ tổ sơn xuống đất kết. Trong lúc đi quan sát cả cuộc đất như thế, nhà địa lý còn có cái thú xem phong cảnh thiên nhiên. Mà thiên nhiên dù rộng lớn đến mấy đi nữa trước mặt nhà địa lý, cũng được thu nhỏ lại thành một toàn thể, biểu hiện chung một thái độ, một trạng thái chỉ thị cho tính chất, của một cuộc đất, nó là ý hướng căn bản của sự quyết định tính chất kết phát của cuộc đất đó.

Thiên nhiên, lúc đó, lại còn biểu hiện một cách triết lý

cao siêu của dịch lý, bằng cách thu tất cả khung cảnh vào 2 mối: âm và dương. Thật vậy, đất muốn muôn hình, nghìn trạng, cũng đều chỉ có: cao và thấp, tức là chỉ có âm và dương mà thôi. Vì cao là âm và thấp là dương. Chiều hướng của mạch núi hay mạch đất bằng cũng có chiều âm, chiều dương. Nếu đi quay sang phải là dương và quay sang trái là âm. Thế rồi, nơi huyết kết, ở huyết trường cũng cần sự phối hợp âm dương như sau: nếu âm đến thì dương kết mà dương đến thì âm kết. Nếu muốn thu cả âm dương vào một mối thì âm, dương cũng chỉ là một, vì bên âm có dương, bên dương có âm; chúng liên tiếp bên nhau, đắp đổi cho nhau, nương tựa lẫn nhau, tạo nên một lẽ sinh thành, một toàn thể sinh hóa có trùng trùng duyên khởi:

Đồng đồng nhất đại khối

Điều điều như nghị quân.

Như nhìn vào tổ ong, ta chỉ có cái nhìn tổng quát những con ong, mà không còn muốn phân biệt ong đực, ong cái, ong to, ong nhỏ nữa. Âm dương đến độ bất phân như vậy thì tâm hồn nhà địa lý đã trở vào Thiên lúc nào không hay, rồi người và cảnh cũng nhập vào với vũ trụ nữa. Đó là trạng thái xuất thần trong cảnh thiên nhiên của nhà địa lý, mà lúc đó, nhà địa lý là nhà nghệ sĩ thiên nhiên.

Khi đã nhập thiên với thiên nhiên rồi thì nhà địa lý hết bị hình, danh, sắc, tướng chi phối, họ trực giác ngay được chỗ nào là trọng điểm của cuộc đất, nơi nào là quản cục của cuộc đất để rồi khi ly khai với Thiên họ sẽ phân tích lại trên thực tế những gì họ đạt trong Thiên.

Thế rồi, trước cảnh, nhà địa lý, khi thì nhập vào cảnh,

đi vào Thiên, để tổng hợp với thiên nhiên, khi thì trở về thực tại để phân tích đất đai. Trạng thái lại qua như thế. Cứ tiếp diễn liên tiếp rồi nhà địa lý thấy mình lâng lâng, khoan khoái muốn quên luôn cả cái hình, danh, sắc, tướng của mình và vũ trụ để cùng đi đến chỗ hòa. Những lúc trạng thái tâm hồn nhà địa lý cao vút như vậy thì họ không ngừng sáng tác bằng trực giác, bỏ túc bằng thực tại, tổng hợp thực tại, để đi vào trực giác sáng tác kế tiếp. Họ nhìn vũ trụ ngoại cảnh như một toàn thể sinh động. Đất đai, sông núi như một sinh vật kỳ lạ hoạt động, mỗi khúc núi đồi cao thấp, như là một khúc con rồng (loài vật biến hóa khôn lường) đang bò, đầu ngoảnh bên phải, bên trái, thân uốn éo, chập chờn di động. Khi nghiêng xuống suối uống nước, khi vểnh tai nghe gió thổi rì rào, khi nheo mắt nhìn đám mây “vân cầu” trôi, khi ghé mình bên rừng tránh nắng, khi tắm dưới mưa xuân phơi phới, khi phơ lửng dưới ánh chiều dương, lại có khi thả sương chiều, khi phun khói sớm v.v.. Thế rồi nhiều lúc nhà địa lý, nhà nghệ sĩ thiên nhiên, không biết mình là cảnh hay là người, cũng như Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa bướm, khi tỉnh dậy không biết mình thật là bướm hay là người.

Mãn cảnh giai không hà hữu tướng.

Thử tâm thường định, bất ly thiên.

Ta hãy xem thi nhân địa lý làm thơ tả cảnh, khi tầm long:

Tầm long, nhận thủy làm đầu.

Hợp dòng chỗ ấy, ở đâu mà về.

Lưu Đông thì long ở tê (Tây)

Lưu Nam ở bắc mà về phải không?

Ngược lên cho đến đầu dòng
Đâu nhiều tinh tú, tổ tông đầy rồi.
Quần long, tụ một phương trời
Ngũ tinh tụ giáng, tụ rồi lại chia
Long, long từ đấy ra đi
Mỗi long một ngã, dựng kỳ hành tinh.
Phân phong, thụ mệnh thiên đình
Dành dành mao thổ, cho mình khổn chuyên.
Từ lâu rồi mới hạ đền.
Theo mạch mà xuống, bốc lên tinh vì
Cửu tinh, hình tượng phải suy
Núi ấy là gì, thì nó hành long
Hai bên, hộ vệ trùng trùng
Thủy phân bát tự, hai dòng cũng theo
Giám tinh, hoặc ít hoặc nhiều
Bản long, thỉnh thoảng bốc theo một vì
Cũng thường, ở đấy chia chi
Một thì hộ chủ, hai thì phân tông
Phân thủy, cũng rẽ hai dòng
Rời ra nước ấy, tụ trong minh đường
Long hành hoặc gặp khô giang
Ấy là quá giáp, hoặc sang hoặc rằng
Long mạch ở kín khăng khăng
Giáp sơn ủng hộ, các tầng bát phong
Chốn ấy gọi là băng hồng
Sơn bằng, thủy cộng ở trong có tình.
Đình thì phải nổi chủ tinh.
Khai diện, bố cục các hình làm sao
Cách sông, long hổ hướng vào
Mà nước bên ấy, cũng nào vào lòng,

Thế là kết ở bên long,
Gọi là tụ khí, trong vòng giáp sơn,
Hoặc long quá giáp, đi sang,
Khai cục, bố thế ở làng bên kia
Quần sơn, chúng thủy, quanh về,
Thường thường, chiều án ở về hậu long.
Ấy là phần thế, khí hùng.
Giáp tiền, giáp hậu, tầm long nên càng.

Địa lý Đại Thành

Người ta thường nói nhà địa lý không những phải học kỹ thuật địa lý cho tinh tường mà còn phải có:

- Thần tâm
- Thánh nhỡn
- Tiểu phu cước

Thần tâm là cái tâm thiên nhiên. Cái vũ trụ chi tâm.

Thánh nhỡn là mục lực, trực giác sáng tác, khi tâm nhập thiên nhiên.

Và tiểu phu cước là công phu thực hành nhiều trên đất về khoa Địa lý.



24 LONG NHẬP THỦ

23. Đáo đầu, nhất tiết, hạ châm

24. Thấu long, cho biết lai lâm chữ gì.

25. Biết phương: Nam, Bắc, Đông, Tây

26. Hai mươi bốn vị: Can Chi chữ nào.

Ở trên, đã cho ta biết cách tìm chỗ nào kết huyết, ở huyết trường rồi. Nhưng tìm được chỗ kết huyết vẫn còn chưa đủ. Phải biết tìm hướng của huyết, và tọa sơn nữa.

Hướng của huyết, phải tương quan với sa và thủy ở trước mặt hay gần bên (ta sẽ học sa pháp và thủy pháp sau).

Lại còn phải biết tương quan đến 24 long nhập thủ, hoặc long khởi tổ nữa.

Như vậy ta phải lần lượt khai triển từng đoạn thơ trên của cụ Tả Ao. Trước tiên, cụ dạy ta tìm long nhập thủ của nó.

(23) Đáo đầu, nhất tiết, hạ châm

Có nghĩa là: sau khi đoán phỏng chỗ nào là huyết kết rồi ta ra ngồi lên đúng chỗ đó, đặt địa bàn lên trung tâm huyết kết, rồi quay đầu lại đằng sau, nhìn xem đốt long nào gần nhất, đoán là khí mạch ở đốt đó rót vào huyết, nó chính là long nhập thủ - Long nhập thủ có 24 long ghi trên vòng địa bàn.

(24) Thấu long cho biết lai lâm chữ gì?

Rồi ta tìm thấu long của long nhập thủ đó theo 60 long thấu địa ghi ở vòng nhân bàn để biết nó hành gì theo phép nạp âm như sau:

Ví dụ: Giáp Tý, Ất Sửu là Kim.

Giáp Dần, Ất Mão là Thủy.

Bính Ngọ, Đinh Mùi là Thủy.

Mậu Thân, Kỷ Dậu là Thổ.

Nhâm Tý, Quý Sửu là Mộc v.v..

Sau tiếp, cụ Tả Ao nói qua về long khởi tổ là chỏm núi cao hay ụ mà từ đó chia ra đổ xuống thành cuộc long mà ta đang xem.

Long khởi tổ ở gần thì dễ xem, nhưng ở quá xa thì khó thấy rõ. Nếu ở quá xa ta chỉ cần biết nó ở Nam, Bắc, Đông hay Tây của huyết trường cũng đủ.

Cũng nên nhắc thêm:

1. Long khởi tổ là đỉnh núi hay ụ đất, rót khí mạch vào cả cuộc đất.

2. Còn long nhập thủ là đốt long hay ụ đất, rót khí mạch vào huyết trường.

(25) Biết phương Nam, Bắc, Đông, Tây

Biết long khởi tổ ở Nam, Bắc, Đông hay Tây rồi ta cũng có thể tạm đoán được đường lối kết phát của long này.

Nếu là: Đông (mộc) chủ Nhân

Tây (kim) chủ Nghĩa

Nam (hỏa) chủ Lễ

Bắc (thủy) chủ Trí

Biết 4 hướng chỉ là đại khái, nhưng nếu biết chi tiết hơn nó thuộc về long nào trong 24 long thì quý hơn. Lúc đó sẽ biết rõ long khởi tổ quý hay tiện. Cao hơn nữa, biết đến thấu long thì còn tỉ mỉ và chi tiết hơn.

Dưới đây ta hãy nói đến 24 long Khởi tổ hay long Nhập thủ:

(26) Hai mươi bốn vị can chi chữ nào?

Nếu biết rõ 24 long ta sẽ biết nó là: quý long, tiện long, cát long, hung long, âm long hay dương long.

Ví dụ: Hợi, Chấn, Canh là 3 âm long và là cát hung, ba long này gọi là tam, cát, long.

Hoặc nếu là: Kiền, Giáp, Khôn, Ất ta biết cũng là âm long.

Tuy nhiên người ta còn phân tích quý, tiện long, chi tiết hơn, như dưới đây:

1. Âm long: Bính long – Đinh long là thượng cách quý hơn hết.

Canh long – Tân long là thứ cách quý

Cấn long – Tốn long là thứ cách quý

Mão long - Dậu long - Hợi long là tái thứ, thứ cách quý.

Tỵ long là trung cách.

Mùi long - Sửu long trong có sát khí (ít dùng).

2. Dương long: Hết thủy dương long đều kém âm long, nhưng không phải vì thế mà ta bỏ dương long.

Nhân long – Tý long – Quý long là hạng trên.

Ngọ long là hạng trung bình

Kiền long – Khôn long - Dần long – Thân long - Ất long – Thìn long – Giáp long - Tuất long đều là hạ cách.

Có long rồi ta mới biết nạp giáp thủy và sa,

Như Kiền long thì Giáp thủy ứng mới quý hoặc Kiền cung (Tuất Kiên Hợi) có sa ứng thì phải có Giáp thủy triều v.v..

(Chúng tôi sẽ lần lượt khai triển và viết thành những luận án liên quan đến: sa, thủy và rất nhiều yếu tố khác như:

Nạp giáp

Mã sơn cục

Tá mã cục
Mã sơn cố định
Tam cát sa
Lục tú sa
Lộc sơn sa
Tá lộc sa
Quý nhân sa (luận 8 hàng can) (luận tứ duy và 12 địa chi).

Công thức thôi quý (mau phát)
Công thức xá vãn tinh (suốt đời vô tù tội).
Long thủy, đại quan tiết (thủy hội và thủy đáo đường).
Công thức hoạch tài thủy
Công thức cứu bản tiến thân thủy pháp.
Bát quái phối cửu tinh (xem xa về ngũ hành tốt hay xấu).

Công thức đại huyền – không ngũ – hành (hướng và thủy phóng).

Công thức Cầm tinh về sa
Đào hoa thủy
Cửu tinh tọa hướng (lấy thủy khẩu làm chuẩn xem nước lại và nước đi).

Sa thủy chương trực giải v.v..
(tủ sách gia bảo: trước sau sẽ cống hiến quý vị toàn bộ chân địa lý qua những lần xuất bản kế tiếp, theo một thứ tự thực dụng và hữu ích).

(26) Hai mươi bốn vị can chi chữ nào

24 chữ là tên 24 long nhập thủ ghi trong vòng địa bàn như dưới đây:

Phía Đông có: Cấn, Dần, Giáp, Mão, Ất, Thìn (6 chữ)

Phía Nam có: Tân, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi (6 chữ)

Phía Tây có: Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân, Tuất (6 chữ)

Phía Bắc có: Càn, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu (6 chữ)

24 chữ này gồm có:

a). 12 chữ thuộc thập nhị địa chi:

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty

Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi

b). 8 chữ thuộc thập can (thiên can)

Giáp, Ất, Bính, Đinh

Canh, Tân, Nhâm, Quý

c). Và 4 chữ thuộc bát quái

Càn, Khôn, Cấn, Tốn.

Tìm xem lai long thuộc long gì? Để ta có đủ kiện biết nó là:

- Âm long hay Dương long

- Quý long hay tiện long

1. Âm dương long

Trong tử vi và lý học đông phương ta thấy can, chi, bát quái đều có âm dương của nó, như:

Tý	(dương)	Sửu	(âm)	Dần
(dương)	Mão	(âm)		
Thìn	(dương)	Ty	(âm)	Ngọ
(dương)	Mùi	(âm)		
Thân	(dương)	Dậu	(âm)	Tuất
(dương)	Hợi	(âm)		
Giáp	(dương)	Ất	(âm)	Bính
(dương)	Đinh	(âm)		
Canh	(dương)	Tân	(âm)	Nhâm
(dương)	Quý	(âm)		
hoặc:				

Càn (dương)

Khôn (âm)

Cấn (dương)

Tổn (âm)

Nhưng ở địa lý âm dương của long không giống hẳn như vậy.

Ở địa lý âm dương long lại khác như sau:

1. Dương long về địa lý có:

Dần, Giáp, Ất, Thìn, Ngọ, Khôn, Thân, Tuất, Càn, Nhâm, Tý, Quý.

2. Âm long về địa lý có:

Sửu, Cấn, Mão, Tổn, Ty, Bính, Đinh, Mùi, Canh, Dậu, Tân, Hợi.

So sánh âm dương long của địa lý với âm dương của can, chi, bát quái ta thấy giống nhau ở phần 12 địa chi và khác nhau ở phần bát can và bát quái như 2 bảng dưới đây:

A. So sánh Âm dương về phần địa chi giữa lý số học và địa lý:

12 địa chi	Âm dương của lý số học		Âm dương của địa lý	
	Dương	Âm	Dương	Âm
TÝ	x		x	
SỬU		x		x
DẦN	x		x	
MÃO		x		x
THÌN	x		x	
TỶ		x		x
NGỌ	x		x	

MÙI		X		X
THÂN	X		X	
DẬU		X		X
TUẤT	X		X	
HỢI		X		X

Bảng trên đây trình bày theo 12 chi âm dương long của địa lý, nó hoàn toàn giống như âm dương của 12 địa chi ta thường dùng

Nhưng với âm dương của 10 can và 4 quái (Càn Khôn Cấn Tốn) thì có khác nhau như bảng dưới đây:

B. So sánh Âm Dương về 8 can và 4 quái giữa lý số học và địa lý

8 can và 4 quái	Âm dương của lý số học		Âm dương long của địa lý	
	Dương	Âm	Dương	Âm
GIÁP	X		X	
ẤT		X	X	
BÍNH	X			X
ĐINH		X		X
CANH	X			X
TÂN		X		X
NHÂM	X		X	
QUÝ		X	X	
CÀN	X		X	
KHÔN		X	X	
CẤN	X			X
TỐN		X		X

Sau đây chúng tôi đưa ra một số tính chất của 24 long.

TÍNH CHẤT CỦA 24 LONG

1. Hợi long: Hợi long là âm long là tài thứ thứ cách quý
- Hợi long là thiên hoàng và là chính khí của trời đất, sinh người tuần tú thông minh.

2. Nhâm long: Nhâm long là dương long – sinh người bình thường, chóng suy. Hay sinh người 6 ngón tay, hay 6 ngón chân, hay là sút môi.

3. Tý long: Tý long là dương long, tức Khảm long, hay sinh người to béo, giàu có, lợi về canh tác.

Nếu lập Ngọ hướng mà có Ngọ thủy hồi triều, thì phát nhanh. Khảm long, con trai giữa được phát phúc trước. Tý long, huyết tọa Tý hướng Ngọ, có gò đồng đồng Ngọ, dáng vẻ như vén quần, sóc áo, múa xiêm, sinh con gái dâm đẳng. Tý Ngọ là đại dâm chi vị.

Tý long lúc phân kim thừa Bính Tý, Canh Tý là vượng, tướng: phát tới ba, bốn đời. Nếu phân kim thừa Mậu Tý, là không vong - Thừa Giáp Tý, Nhâm Tý là cô hư, thì phát ít và chóng tàn.

4. Quý long: Quý long là dương long, thứ long tầm thường hay sinh người béo, tròn và trắng bạch.

Quý long hay sinh người đi tu hay phá của. Duy Quý long mà có quý thủy triều, thì lợi về buôn bán.

5. Sửu long: Sửu long là âm long nhưng có nhiều sát khí hay phát võ.

- Sửu long cũng phát phú nữa. Năm Tý, năm Sửu hay có hoạch tài.

- Khi phân kim Sửu long mà thừa: Đinh Sửu, Tân Sửu là hợp cục.

- Khi phân kim Sửu long ta thừa Kỷ Sửu là không vong không tốt, thừa Ất Sửu, Quý Sửu là cô hư, hay sinh người

hung ác, trộm cướp, ngu si.

- Sửu long hay sinh người gian tham độc ác, bất nhân. Con cái thường to béo.

- Sửu là hung long, nên lúc giao thời thì rất anh hùng, và phấn phát.

6. Cấn long: Cấn long thuộc thổ, Âm long và là loại long tốt, sinh người hiền lành, tuần tú, thông minh, có khoa mục nhiều con lắm cháu, lộc nhiều, của nhiều.

Cấn long phát những người tuổi Sửu, tuổi Dần, tuổi Hợi, lập hướng nào phát về tuổi ấy. Cấn long phát rất bền và phát nhiều.

Nếu Cấn long mà lập Canh hướng, mà phương Canh lại có gò cao triều huyết, thì trước phát văn, sau phát võ.

7. Dần long: Dần long là dương long hay phát văn, sinh người tuần tú. Nếu kiếm được huyết tốt cũng phát vài đời Dần long, phát tuổi: Dần, Ngọ, Tuất, Hợi.

Phân kim thừa Bính Dần, Canh Dần: phát 3 đời.

Nếu thừa Mậu Dần là không vong, thừa Giáp Dần, Nhâm Dần là cô hự, chỉ phát một đời, rồi lại bại huyết, phải tiếp phúc ngôi đất khác.

8. Mão long: Mão long là tái thứ thứ cách của âm long, Mão cũng thuộc loại quý long, sinh người anh hùng hào kiệt, phát về trai trưởng, nhiều con cháu, hay phát võ về tuổi Mão, Tuất.

- Nếu được đại cấn long, phân kim thừa: Đinh Mão, Tân Mão nhập huyết, thì phát mãi không bao giờ hết.

- Nếu thừa Kỷ Mão là không vong - thừa Ất Mão, Quý Mão là cô hự, chỉ phát võ được một đời rồi chết trận.

Mão phương tức Chấn phương, nếu lập Canh hướng là Cổ động lôi tung, lại thêm có Canh thủy nhập hoài, thì

phát dữ như sấm chớp.

Mão long, có gò cao ở phương Canh, chắc chắn phát võ, toàn võ.

9. Giáp long: Giáp long là dương long, thuộc Mộc, là loại long thường, sinh người xấu xí, nhỏ bé.

- Giáp long hay hoạnh phát về năm Dần, Mão.

- Phát phú được một đời thì hết, muốn tiếp tục hưởng phúc, phải kiếm thêm đất khác tiếp phúc.

10. Ất long: Ất long là dương long, cũng giống như Giáp long.

11. Thìn long: Thìn long là dương long thuộc thổ là một trong tứ Mộ long. Hay sinh người gian ác, hay phát tuổi Thìn, tuổi Dậu, chỉ hoạnh phát về những lúc giao thời, nhưng chỉ được một đời rồi tàn.

Nếu phân kim thừa khí Bính Thìn, thì phát được một đời. Chẳng may thừa Mậu Thìn thì bị không vong. Thừa Giáp Thìn, Nhâm Thìn là cô hư đành bị nghèo khổ, tai họa.

Thìn long mà được phương Thân (phương Tây) cao ứng vào, có thể phát tiến sĩ.

12. Tốn long: Tốn long là âm long thuộc Mộc, chủ về văn chương, sinh người thông minh, tuấn tú. Tốn là con gái lớn, hay phát về con gái.

Tốn long mà lập Tân hướng, lại có bút đóng Tân, con cháu đỗ cao. Phương Đoài có gò hoặc ruộng cao hình nga mi, con gái phát cung phi.

- Phương Cấn, phương Càn, phương Khôn, phương Tốn có gò cao ứng là quý lắm.

- Nếu Tốn long mà lập Canh hướng là văn sang võ.

- Tốn long mà được Mộc hình kết huyết, văn trúng

khởi giáp.

- Tốn long mà phương Cấn, phương Đoài (Dậu) có thủy triều, thì phát khoa mục.

13. Ty long: Ty long là âm long, lúc phát thì rất giàu sang, lúc nghèo thì rất bần tiện.

- Phân kim: Thừa Tân Ty, Đinh Ty là vượng, tướng, có thể phát được hai, ba đời

Nếu thừa: Kỷ Ty là không vong, Ất Ty, Quý Ty là cô hũ, phát một đời, như sấm, như sét, nhưng lúc xuống, thì đời bại rất nhanh chóng.

- Nếu lập Đinh Ty kiêm Bính nhập huyết mà phương Kiền, Hợi có gò đồng ứng, mà hướng lại thừa long, hổ hồi đầu, thì con cháu ngẫu nhiên, gặp vua, phát quý.

- Ty long phát cả quan, văn, võ nhưng lúc xuống lại rất bần tiện không được quân tử như Kiền hay Hợi long.

- Ty long quyền võ tướng.

14. Bính long: Bính long thuộc hỏa là âm long thuộc loại long tốt, sinh người thông minh, tuấn tú, trí dũng, phát cả văn lẫn võ.

- Bính long phát tuổi Ty, tuổi Ngọ. Nếu huyết tọa dư khí lại được chính cán long có thể phát tới năm đời.

- Nếu Bính long có án gần, mà thêm nghịch thủy, thì chỉ trong 3 năm là đại phát.

- Như Bính long, mà phương Cấn có gò đồng thanh tú, ứng thủy triều thì phú quý cực phẩm, phát cả văn lẫn võ.

- Nếu phương Chấn, phương Canh có gò đồng ứng thì có thể điều khiển nghìn vạn quân.

- Phương Tốn, phương Hợi, phương Tân có gò ứng chứng sẽ phát văn.

- Bính long mà phương Khôn có ruộng cao, trông như

là cờ, con gái phát tướng quân.

15. Ngọ long: Ngọ long thuộc hỏa là dương long, sinh người tóc vàng, da đỏ, phát nhiều về năm Ngọ, Mùi.

- Ngọ long là long xấu, phát đầy lại suy đầy, lúc phát như lửa dậy, lúc bại như tro tàn.

- Ngọ long mà phân kim, thừa Bính Ngọ, Canh Ngọ nhập huyết, phát được một, hai đời.

- Nếu thừa Mậu, Ngọ là không vong – Giáp Ngọ, Nhâm Ngọ là có hư, chỉ phát một đời rồi bại tuyệt.

- Như Ngọ long mà phương Dần, phương Tuất có sơn thủy ứng, là tam hóa cục (Dần Ngọ Tuất) có thể phát một đời trạng nguyên.

16. Đinh long: Đinh long thuộc hỏa là âm long, thuộc loại long tốt. Hỏa tính cấp, chóng phát, sinh người thông minh, nhiều nghề.

- Đinh long phát người tuổi Ngọ, Mùi, Dần, Thân, Dậu, Hợi.

- Đinh long dễ sinh thần đồng.

- Đinh long có Dần thủy triều, phương Tân có bút, thì văn đỗ đến trạng nguyên và sống lâu 100 tuổi (Đinh chủ thọ).

- Đinh long thì phương Cấn, Cấn phải khoáng đăng mới tốt. Trái lại phương Càn có gò đồng cao sẽ bị tai vạ liên miên.

- Đinh long mà có Tốn bút ứng, chỉ thi một lần là đỗ.

- Đinh long mà phương Chấn, phương Canh có gò đồng ứng, con cháu giàu sang.

17. Mùi long: Mùi long thuộc thổ là âm long sinh người khỏe mạnh, phát võ tướng, phát vào những buổi giao thời.

- Mùi long mà phương Sửu có ruộng tròn như cái trống lại có cờ ứng, phát đại tướng, nhưng rất ác, tuy vậy lại xuất tăng ni.

- Mùi, Sửu long hay sinh người ăn khỏe.

18. Khôn long: Khôn long là lão âm mà là dương long. Phát một đời không chu toàn, hay sinh người cô quả, bại tuyệt.

- Khôn long mà phương Cấn có gò đồng ứng, hoặc có nước lai triều, thời phát phú.

- Cấn cũng như Khôn, tuy có phát nhưng chóng bại.

19. Thân long: Thân long là dương long, chóng phát và chóng suy.

- Thân long phát về năm Tý, năm Thân, sinh người béo phệ. Khi nào sinh đến người tóc vàng, tiếng ngẩn là đến lúc bại.

- Thân long mà phương Dần, phương Giáp có nước nghịch triều, thì chóng phát.

- Phương Khôn mà có gò tròn, hoặc vuông, phát thầy chùa.

20. Canh long: Canh thuộc Kim là âm long, thuộc long tốt và hay phát võ, sinh người thanh bạch, tu mi.

- Canh long thì hách, giàu sang, và nhiều người ha phát tuổi Thân, Dậu.

- Nếu Canh long mà được chính huyết, phát đến 8 đời.

- Canh long mà phương Chấn có cờ, phương Hợi có trống thì võ tướng uy quyền, nghiêng thiên hạ.

- Canh long mà Cấn hướng, thì trước phát văn sau phát võ.

- Phương Cấn, Tốn, Tân có bút ứng thì văn, võ song toàn.

21. Dậu long: Dậu long thuộc âm dương, thuộc loại long tốt, sinh người thanh tú, phát về năm Dậu, Thìn hay phát văn, phát võ, phát cung phi, nếu mạch tường viễn, phát được 6 đời.

- Phân kim thừa Đinh Dậu, Tân Dậu là vượng trường khí, phát lâu bền. Nếu chẳng may thừa Kỷ Dậu, Ất Dậu là cô hư, Quý Dậu là không vong, bị giảm phúc

- Dậu long mà phương Tốn, phương Hợi có gò đồng, đi thi dễ đỗ.

- Phương Chấn có cờ, phương Hợi có trống, là võ tướng.

- Dậu long mà phương Dậu có gò đồng cao, che đỡ ác khí, phương Mão có nước tụ, làm quan hiển vinh, danh tiếng lừng bốn bề.

- Phương Ty, phương Ngọ, phương Mão có gò đồng ứng tất nhiên phát.

- Dậu long, mà từ phương Ly (Ngọ) đến phương Tốn có gò đồng liên châu, thì con gái phát hoàng hậu.

22. Tân long: Tân long là âm long thuộc Kim, là loại long tốt, sinh người tao nhã, tuần tú phát tuổi Dậu, Tuất, Tân, chủ về văn chương, khoa mục

- Tân là học đường, như Tân long lập Tốn hướng, mà phương Tốn lại có ruộng nhon như cây bút, tức nhiên con cháu học giỏi đồ nhiều.

- Tân long mà phương Tốn, phương Hợi có gò đồng ứng đi thi trúng tuyển.

- Tân long, mà phương Bính, phương Ngọ, phương Đinh có gò đồng ứng, văn đến thượng thư.

- Tân long, Mão hướng, Mão phương có sơn thủy ứng triều thì văn võ song toàn.

- Tân long mà lập Càn hướng, hai bên lại có ruộng

trũng, nước trong sáng như mắt mèo, tựa như mặt trời mọc, thì thông minh, học một biết mười, đi thi đỗ đậu.

- Tân long mà được huyết tốt, có nhiều tầng long hổ, có thể phát thần đồng.

23. Tuất long: Tuất long thuộc thổ, là dương long và là một trong tứ Mộ long (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi).

- Tuất long hay sinh người gian ngoan, ngu si, hung bạo, hay phát lúc thay đổi thời thế.

- Tuất long, hoạch phát về năm Mão, năm Tuất.

- Tuất long, phân kim thừa khí Bính Tuất, Canh Tuất mà phương Tốn lại có bút ứng (gò con hỏa hay ruộng nhọn) hoặc phương Nam (Ngọ) có hình Thiên mã – cũng đều phát trạng nguyên.

Nếu có huyết tốt, có thể phát ba đời, rồi sau sinh người ngu ngoan.

- Nếu Tuất long, mà thừa: Mậu Tuất, Giáp Tuất, Nhâm Tuất hay sinh người gian ác

- Tuất long, mà hai phương Dần, Ngọ có gò đồng ứng thì cũng giàu sang.

- Tuất long mà huyết đơn bạc, long hổ ít tầng, thì chỉ phát một đời rồi nghèo khổ.

- Tuất long mà phương Mùi có sa hay thủy phản, sinh làm giặc rồi bị tội.

- Phương Mùi không có gò đồng, mà có nước sâu trũng, hay bị tai họa bất ngờ.

24. Càn long: Càn long là lão dương ở phương Tây Bắc, phát một đời rồi nghỉ.

Trên đây chỉ có một hình thức luận long cho 24 long của Khoa địa lý. Trong đó có nhiều câu, chỉ đúng có một phần, trái lại nhiều câu lại quá đúng.

Như vậy ta chớ vội nệ vào phần luận long này và cũng đừng bỏ nó đi ngay, chỉ nên dùng nó làm phương tiện lúc đầu. Căn cứ vào nó ta đi tìm học địa lý để xác định lại xem chỗ nào trúng, chỗ nào sai. Sau khi xác định được do kiến thức lý thuyết thực hành của chính ta luận ra, chứ không phải người luận ra lúc đó ta mới thành công.

Vậy xin nhắc lại, quý vị đừng hoàn toàn nệ vào sự trình bày tính chất của 24 long trên đây để tránh nhầm lẫn đáng tiếc.



ÂM DƯƠNG LONG THEO LÝ KHÍ

27. Nhận xem cho biết long nào

28. Âm long, âm hướng, thủy toàn phóng âm

29. Dương long, dương hướng, chớ nhầm

30. Thủy phóng dương vị, luận âm dụng gì?

Về địa lý, nói về lý khí, ngoài những công thức tìm hướng phù hợp, ta lại còn cách tìm theo âm dương nữa.

Cách tìm theo âm dương ở đây là Toàn âm hay toàn dương.

Với thuyết toàn âm hay toàn dương này, khoa địa lý có hai đường lối giải thích:

1. Phần đông giải thích rằng: Âm dương là theo Âm dương của ngũ hành của Can, Chi và bát quái ở 24 chữ trên địa bàn.

Ví dụ: Tý là dương

Sửu là âm

Giáp là dương

Ất là âm

Khôn là âm

Càn là dương v.v..

2. Một số ít giải thích rằng: Âm dương theo: Dương là thiên can.

Ví dụ: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ v.v..

Âm là địa chi và bát quái

Ví dụ: Giáp Ất Bính Đinh, Càn Khôn Cấn Tốn

Căn cứ vào phép âm dương long và âm dương hướng ở

câu 27, 28, 29, 30 của Cự Tả Ao. Ta thử tìm cách áp dụng và giải thích theo cả 2 cách:

A. Cách thứ nhất:

Giải thích âm dương theo âm dương của ngũ hành của can chi.

(27) Nhận xem cho biết long nào:

Ví dụ: Giáp long (dương)

Mão long (âm)

Ất long (âm)

Thìn long (dương)

Tổn long (âm)

Tỵ long (âm)

Bính long (dương)

(28) Âm long âm hướng, thủy toàn phóng âm

- Nếu là âm long thì hướng của huyết phải nhìn vào âm hướng (bất kể Can hay Chi). Và thủy khẩu phải phóng vào âm hướng (bất kể Can hay Chi).

(29) Dương long Dương hướng chớ nhầm

Đừng quên nếu là dương long (dù Can hay Chi) phải dùng dương hướng (dù Can hay Chi) của can chi, bát quái,

(30) Thủy phóng dương vị luận âm dụng gì?

Dương long, dương hướng thì thủy khẩu phải phóng dương mới đúng (dù Can, Chi hay bát quái).

Nếu dương long hay dương hướng mà thủy khẩu phóng âm thì không dùng được. Không có kết phát.

B. Cách thứ hai:

Giải thích âm dương theo:

1. Dương là Càn, Khôn, Cấn, Tổn hoặc thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý).

2. Âm là 12 địa chi.

4 câu này:

27. Nhận xem cho biết long nào.

28. Âm long âm hướng thủy toàn phóng âm

29. Dương long dương hướng chớ nhầm.

30. Thủy phóng dương vị luận âm dụng gì?

được phải đối nghịch luận như sau:

4 câu trên, một số ít các cụ cho là sai, và các cụ sửa lại như sau:

27. Nhận xem cho biết long nào.

28. Âm long, dương hướng thủy toàn phóng dương

29. Thủy phóng dương vị luận âm dụng gì?

Và các cụ cắt nghĩa như sau:

27. Nhận xem cho biết long nào

Nhận xem long nhập thủ có phải là ở chữ địa chi như Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi thì mới được.

Còn nếu long nhập thủ ở 8 chữ của thiên can hoặc 4 chữ Càn, Khôn, Cấn, Tốn thì không được.

2. Âm long, dương hướng, thủy toàn phóng dương

Long vào ở địa chi là âm long thì hướng huyết bắt buộc phải ở thiên can (như Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý và Càn, Khôn, Cấn, Tốn) là dương hướng, mới được. Thủy khẩu cũng phải phóng thiên can và bát quái như hướng của huyết.

29. Âm long, dương hướng chớ nhầm.

Đừng có lầm, và phải nhớ là bao giờ long cũng phải thu theo địa chi (âm) Hướng huyết và hướng thủy khẩu phóng lại phải theo thiên can (dương).

30. Thủy phóng dương vị luận âm dụng gì?

Thủy phải phóng về thiên can, nếu phóng vào địa chi

thì không được

Các vị bênh vực phép thứ hai này đều căn cứ vào câu:

Vạn thủy đô tông thiên thượng khứ

Quan long giai hướng địa tung hoành.

(Thiên thượng là thiên can - Hướng địa là hướng của địa chi).

Việc giải thích khác biệt nhau như trên làm cho làng địa lý chia làm 2 hệ phái tranh luận nhau đã mấy trăm năm mà chưa ngã ngũ.

Riêng theo các vị chân sư nhận xét thì cả hai phép nói trên đều có chỗ cần bổ túc cho nhau, mà việc bổ túc này, không thể nói ít mà giải đáp được, vì nó liên quan đến rất nhiều yếu tố mà trừ phi học địa lý cho thật sâu sắc, mới tìm ra.

Những yếu tố này bao gồm:

- Thủy pháp

- Sa pháp

- Thôi quan pháp

- Phép điểm huyết, phân kim

- Và một số bí yếu về địa lý cùng kinh nghiệm địa lý nữa. Sau khi đạt những yếu tố trên, lúc phân kim, điểm huyết, cân nhắc lợi hại, sẽ thấy rõ ngay.

Điểm bí hiểm này, hạn chế các thầy địa lý “tay mơ” không thể nào dùng tài nghệ và kinh nghiệm tầm thường mà làm được đất kết đến mức tối đa của nó.

Khoa địa lý sở dĩ cả ngàn năm nay là khoa bí truyền, chỉ vì có nhiều khúc mắc, như khúc mắc nêu trên.

Chúng tôi sẽ cố gắng đưa ra những luận án về từng loại lý khí và loan đầu để giải minh lần lần, trong các bộ sách, thuộc tủ sách Gia Bảo của nhóm chúng tôi, mà 2 bộ địa lý

đã xuất bản (Địa lý Tả Ao và Dã Đàm Tả Ao) là 2 quyển đầu.

Sở dĩ chưa trình bày ra đây vì phạm vi của quyển này không cho phép đi quá xa phần căn bản cần thiết của nó.



ÂM DƯƠNG LONG THEO HÌNH THỂ CAO THẤP

- 31. Âm dương lại có phép kia
- 32. Âm lai dương thụ, âm sư dương hồi
- 33. Âm là gò đồng đất ghềnh
- 34. Dương là ruộng phẳng, đất bằng như lai
- 35. Núi non kia, cũng âm hoài
- 36. Long cường, thì chớ huyết nơi cao cường
- 37. Long nhược, nơi thấp chớ màng.
- 38. Lai dương hòa lại, đường thì bằng chi.

Ta vừa nói tới, (tài liệu mờ)

Chú ý: Âm dương theo phương hướng thuộc phần lý khí (là âm dương này).

Âm dương theo hình thể cao thấp thuộc phần loan đầu (là âm dương kia).

31. Âm dương lại có phép kia

Phép kia: là phép nhìn hình thể cao thấp của long, để luận âm dương. Ta đã biết, cùng một long mạch, nếu chỗ nào cao là âm, và chỗ nào thấp là dương. Vậy khi kết huyết, thì khi long đến huyết mà đang cao (âm) thì huyết trường phải thấp hay bằng (dương).

Trái lại khi long dẫn đến huyết, đang thấp hay bằng (dương), thì huyết trường phải cao (âm).

32. Âm lai dương thụ, âm sư dương hồi.

a). Âm lai dương thụ là long cao đi đến huyết thì huyết phải bằng hay thấp (âm lai dương thụ).

b). Âm su dương hồi là mạch bằng đến huyết, thì huyết phải cao (su và thụ nghĩa là chịu theo). Muốn kỹ lưỡng cụ Tả Ao cắt nghĩa rõ âm dương theo hình thể đất như dưới đây:

33. Âm là gò, đồng, đất ghềnh

34. Dương là ruộng phẳng, đất bằng như lai.

Cắt nghĩa như thế, để con cháu ý thức rằng: tất cả đất đai ta nhìn thấy đều là long cả, dù đất đai đó là: núi cao, gò đồng, là đất ghềnh, hoặc là ruộng phẳng, hoặc là đất bằng.

Dưới đất đai đều có khí mạch của long.

Nếu khí cường, thì nổi cao, và khí nhược thì thấp là đất bằng có thể thôi. Khí mạch, trong vỏ đất, cũng như nhựa cây chạy trong thân cây vậy.

Lại có những trường hợp, toàn là núi non, ta phải nghĩ là hồ này toàn mạch âm, như câu:

35. Núi non kia cũng âm hoài

(Núi non là đất nổi cao, có nhiều khí mạch).

Gặp trường hợp này, thì huyết phải không được ở chỗ cao, đúng phép.

Mà muốn đúng phép đó thì phải nhớ câu này của cụ Tả Ao:

36. Âm cường thì chớ mạch nơi cao cường

Là mạch cao thì chớ kiếm huyết ở chỗ cao.

Còn nói ngược lại, nếu mạch bình dương, chạy bằng phẳng chính xứ, qua ruộng bằng, thẳng cánh cò bay, thì chớ kiếm huyết trường tại nơi phẳng, như cụ Tả Ao có nói:

37. Long ngược, nơi thấp chớ màng

Như thế không có đất kết bởi vì:

38. Lai dương hòa lại dương thì bằng chi

Nghĩa là bằng lại thì bằng không phải là đất kết.

- Theo như mấy lời giản dị của cụ Tả Ao trong tập này, ta thấy lời cụ là cả một tinh hoa Địa lý và dịch lý.

Cái khéo cái hay ở chỗ: chỉ 8 câu ở bài này, chúng ta dùng nó làm vốn, đi tìm huyệt cả nhiều năm liền, theo phép âm lai, dương thụ, âm su dương hồi, mới hiểu được thực tế nó, mới thấy rõ đất đai chỗ nào cũng chỉ là vì âm và dương. Sau nữa mới thấy sự sắp đặt khéo léo của hóa công trên những đất đai trên khắp mọi nơi, mà trước kia, ta chỉ tưởng là những nếp nhăn tự nhiên của quả đất vô tri. Và sau nữa ta mới thấy tinh thần dịch lý đã thu cả vũ trụ vào hai mối âm dương.



LONG TẢ TOÀN VÀ LONG HỮU TOÀN.

A. LONG TẢ TOÀN:

- 39. Ruộng giống ngọc sách tiện vi
- 40. Dương tả, âm hữu, long chia hai đường
- 41. Tích phòng Đông chí sinh dương
- 42. Nãi dương Giáp Tý, khí sương tả hành.
- 43. Khởi tự: Hợi, Tý phân minh
- 44. Tiến lên ngăn ngăn, thuận hành tả biên
- 45. Qua Dần, Mão đến Tuất, Càn.
- 46. Chuyển Hợi nhập cuộc, chí, huyền, phân minh
- 47. Quần tiên đi, có tổng nghênh
- 48. Mạch nào bên hữu, đã đành chân long
- 49. Xa nhận nước ở tả cung
- 50. Dương thủy chảy lại, hội đồng thiên tâm.

B. LONG HỮU TOÀN:

- 51. Đạo trời hạ chí sinh âm.
- 52. Nãi âm Giáp Tý, khí lâm hữu toàn
- 53. Tòng Tý nghịch suy: Hợi, Càn.
- 54. Qua Dậu, Thân, Ngọ đến bên Mão, Dần
- 55. Nghịch hành về Cấn, Sửu hành
- 56. Chuyển tả nhập cuộc, ấy phần Dương long
- 57. Dù hòa thấy nước hữu cung
- 58. Âm thủy chảy lại, hội đồng giao dương
- 59. Âm long, dương thủy đã tường
- 60. Dương long, âm thủy minh đường gặp nhau.

C. NÓI THÊM VỀ HOÀNH LONG

61. Bên trước nước đã hợp thâu.
62. Lại nhận có đồng bên sau chẳng là
63. Hoàn long thì nước thực thà
64. Dù chẳng có nước, ắt là đối không.
65. Âm, Dương đã có: thư, hùng.
66. Cửa nhà đã hợp, vợ chồng liên giao
67. Ất là khí dựng thai bào
68. Tự nhiên sinh đực, lẽ nào vậy vay
69. Chân long, chính huyết ở đây.
70. Ấy đất Hoàn ky, lời thầy truyền ta.
71. Kết thoái, dư khí còn xa
72. Hoặc đi trăm dặm, mới ra chiêm thần.

Chương năm nói về âm dương theo chiều cao thấp.

Chương sáu nói về âm dương theo long tả toàn và long hữu toàn. Vì hai phần hơi giống nhau nên chúng tôi xin cắt nghĩa phần trên (long tả toàn) theo hệ thống phân tích và phần dưới (long hữu toàn) theo hệ thống tổng hợp, để quý vị dùng ý kiến của phần nọ đối chiếu với phần kia, sẽ thấu hiểu chu đáo hơn.

Khởi đầu là 2 câu mở:

39. Ruộng giống ngọc sích, tiện vi

40. Dương tả, âm hữu, long chia hai đường

Có nghĩa là long mạch đi quanh co, khi sang phải, khi sang trái.

Nếu đi sang phải là đi theo chiều dương (theo chiều kim đồng hồ).

Và đi sang trái, là đi theo chiều âm (đi ngược chiều kim đồng hồ).

1. Đi từ trái sang phải ta còn gọi là long tả toàn, tả hành hay tả biên.

2. Còn đi từ phải sang trái ta còn gọi là long hữu toàn, hữu hành hay hữu biên.

A. Long tả toàn

41. Tích phòng Đông Chí sinh dương

Mỗi năm cứ đến ngày Đông chí (thường vào tháng 11 âm lịch) thời tiết bắt đầu chuyển sang dương. Tất cả cây cỏ đều thay nhựa mới, ẩn phục trong thân cây, để tạo lá mới, lộc mới cho năm tới. Những chất bổ dưỡng mới này sẽ làm cho cây cỏ chuyển thành nụ hoa, ngọn lá, vào ngày đầu xuân (2 tháng sau).

Nói về cây cỏ cho ta dễ nhận xét, nhưng thật ra tất cả vạn vật, kể cả con người, cũng đều chịu sự chuyển dương như thế.

42. Nãi dương Giáp Tý, khí sương tả hành.

- Từ Tý đi thuận là đi tả hành.

- Tý có 5 phần bắt đầu từ trái sang phải trước hết: Giáp Tý, rồi đến Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý.

Sau Tý sẽ đến Sửu (xin xem bản địa bàn (la kinh) của Cao Trung).

Ta đã hiểu, như trên, từ trái sang phải là chiều Dương hay chiều Tả Toàn hay Tả hành hay Tả Biên.

43. Khởi tự: Hợi, Tý, phân minh

Theo tả toàn thì Hợi rồi đến Tý.

44. Tiến lên ngăn ngăn, thuận hành tả biên.

Long đi theo chiều Dương, đi từ trái sang phải (Tả biên). Các đốt long cứ từng đốt dài, ngắn đi theo chiều kim đồng hồ (nếu sự di chuyển này ở trước mặt chúng ta, còn như đi sau lưng, nếu ta không quay lại, thì sẽ đi ngược lại).

45. Qua Dần, Mão đến Tuất Càn.

Tý đến Sửu đến Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi rồi Thân, Dậu, Tuất, Hợi là theo chiều dương.

Nhưng vòng địa bàn có 24 ô, chứ không phải chỉ là 12 ô địa chi, nên ta cũng có thể viết:

Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp, Mão, Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân, Tuất, Càn.

Các đốt long ít khi đi đủ vòng tròn như trên. Thực tế nhiều khi long:

- Chỉ đi độ vài chữ, ít khi thành một vòng tròn đầy đủ.
- Và long cũng không mấy khi bắt đầu đi từ Tý. Long có thể bắt đầu đi từ bất cứ chữ nào và cũng có thể chấm dứt cuộc đi để vào đất kết từ bất cứ chỗ nào.

46. Chuyển Hợi nhập cuộc, chi huyền phân minh.

Ví dụ: Long đi từ Tuất, Càn rồi chuyển vào Hợi mà nhập thủ vào đất kết.

Tuy gọi là đi vòng phải, hay vòng trái, nhưng không bao giờ Long đi thẳng đúng như một vòng tròn, Long đó thường đi khúc khuỷu, khi sang phải, lúc sang trái, trông như chữ chi và chữ huyền. (Long đi chữ chi, chữ huyền mới là Long tốt, có nhiều sinh khí, tưởng tượng như con rắn, con rồng uốn khúc.

47. Quân tiên đi có tống nghênh

Cụ Tả Ao cho địa lý là môn học của bậc thần tiên, nên nhìn long đi, cụ tưởng tượng như là “bầy tiên đi” (quần tiên).

Long tốt đi, có sa và thủy đón đỡ hoặc nghênh tiếp các đốt long. Cụ gọi đó là quần tiên (các đốt long) đi có tống nghênh (sa, thủy đón đỡ là tống nghênh).

48. Mạch nào bên hữu, đã đành chân long.

Long đi tả toàn, là long từ bên hữu sang bên tả là chân long.

49. Xa nhận nước ở tả cung

Long đi từ trái sang phải (tả toàn) lúc vào kết huyết, thường nhận được nước vào minh đường từ bên tả, bên phải để (nước ở tả cung).

Lý do long tả toàn không nhận nước ở xa từ hữu đến vì long quay sang phải hay gặp nước ở phát tổ sơn về từ bên phải, và ngược lại long hữu toàn, long quay sang tay trái, hay nhận được nước xa đến, từ bên trái. Nước này thường là nước, mà đi ngược lên ta có thể tìm đến nguồn nó, là nước từ thiếu tổ sơn hoặc thiếu tông sơn đi ra. Nó chính là nước bát tự, nước mở cửa cho long từ tổ sơn đi ra.

50. Dương thủy chảy lại, hội đồng thiên tâm.

Phải có thêm nước từ bên trái (nách tay long của ngôi đất) lại hội với thủy, ở xa, từ bên phải đến, mới là thủy giao hội mới tốt.

Nước từ xa đến là dương thủy.

Nước ở huyết trường hoặc nách long, hổ sa gọi là âm thủy.

(tài liệu mờ)

B. Long hữu toàn

Sau khi phân tích long tả toàn (trái sang phải) rồi, ta thử tìm hiểu xem cụ Tả Ao nói gì về long hữu toàn (phải sang trái).

Chúng tôi đã phân tích kỹ long tả toàn ở phần trên rồi, phần long hữu toàn dưới này, chúng tôi sẽ nói cô đọng hơn. Chỉ trừ ra câu nào đặc biệt mới phân tích:

51. Đạo trời hạ chí sinh âm:

Theo tiết khí thì vào khoảng tháng năm, mùa hạ là tháng có tiết Hạ chí, lúc này thời tiết bắt đầu chuyển sang âm.

52. Nãi âm Giáp Tý, khí lâm hữu toàn.

Đi tả toàn là đi theo chiều dương, thì đi hữu toàn là đi chiều âm. Cũng nói bắt đầu từ Giáp Tý, nhưng đi ngược chiều kim đồng hồ chạy.

53. Tổng tý nghịch suy Hợi Càn.

Đi theo Càn, Hợi là đi thuận, thì bây giờ đi theo Hợi, Càn là đi nghịch.

(Ta cũng bắt đầu từ Tý là cho dễ).

54. Qua Dậu, Thân, Ngọ đến bên Mão, Dần.

Đi nghịch thì từ Tý đến Hợi, Càn, Tuất, Dậu, Thân, Khôn, Mùi, Đinh, Ngọ, Bính, Ty, Tốn, Thìn, Ất, Mão, Giáp, Dần v.v.. (xin xem hình bìa).

55. Nghịch hành về Cấn Sửu hành

Cứ thế, nếu long cứ đi tiếp nối nghịch chiều (hữu toàn) thì đến Cấn, Sửu và Quý rồi cùng trở về đến Tý là đủ một vòng tròn.

56. Chuyển tả nhập cuộc ấy phần âm long

Âm long là long đi chiều nghịch từ phải (hữu) quay sang trái (tả).

57. Dù hòa thấy nước hữu cung

Long đi chiều nghịch, hữu toàn, phải sang trái, dễ nhận được nước xa, ở bên trái (tả) đến.

58. Âm thủy chảy lại hội đồng giao dương

Lại phải có âm thủy (nước từ nách long hổ hoặc từ huyết trường) chảy ra gặp đường thủy (nước từ xa đến) mới là trọn vẹn. Hai nước này hội ở trước huyết.

59. Âm long, dương thủy đã tường.

60. Dương long, âm thủy minh đường gặp nhau.

Ta đã có âm lẫn dương thủy, nên ta có:

1. Dương long (tả toàn) gặp âm thủy
2. Âm long (hữu toàn) gặp dương thủy.

Và nếu đối với nước ở xa đến thì:

1. Long tả toàn khi gặp nước ở xa lại thì là long bên hữu đến gặp nước ở xa bên tả đến.
2. Long hữu toàn khi gặp nước ở xa lại thì là long bên tả đến gặp nước ở xa bên hữu đến.

Đây là hai điểm quan trọng của nội cuộc đất, để biết có huyết kết hay không. Ít thầy địa lý hiểu được điểm này, và cũng ít sách nói đến.

C. Nói thêm

Nhân tiện nói về long tả toàn và long hữu toàn, cụ Tả Ao nói thêm những gì ở chỗ long gặp thủy.

61. Bên trước nước đã hợp thủy.

62. Lai nhận có đồng bên sau chẳng là.

Hai câu này là 2 câu chuyển, đại ý như sau:

Trên kia đã nói về nước gặp long

Bây giờ nói đến phần đất ở chỗ nước gặp long đó, phần đất này có khi là thuận long (đi xuôi theo chiều nước).

Có khi là nghịch long (đi ngược chiều nước).

Có khi là hoành long (xoay ngang chiều nước chảy).

Xem hình vẽ dưới đây sẽ thấy:



Với 3 thế long này, cụ Tả Ao chỉ lưu ý đến thế Hoành long vì nó có cách đặc biệt:

63. Hoành long thì nước thực thà.

64. Dù chẳng có nước, ắt là đối không.

Có nghĩa là khi long quay ngang ra thường xa nước Chính (tức dòng nước lớn) xa như thế nên hay bị cạn nước ở mình đường (nước thực thà).

Cũng có khi xa quá, đến nỗi không có nước ở mình đường nữa (đối không).

Tiếp theo cụ nói thêm về sự có âm dương phối hợp, chắc chắn có đất kết.

65. Âm dương đã có thư hùng.

66. Cửa nhà đã hợp vợ chồng liên giao.

Có nghĩa là nếu có âm dương gặp nhau như:

a. Âm thủy hội với dương thủy hay dương thủy hội với âm thủy hoặc

b. Long đi chiều dương gặp thủy đi chiều âm hay là long đi chiều âm gặp thủy đi chiều dương.

Là đực gặp cái hay cái gặp đực, hay nói cách khác: thư gặp hùng (âm gặp dương) hay hùng gặp thư (dương gặp âm).

Sinh vật sinh sôi, nảy nở là nhờ có âm dương phối hợp thì khoa địa lý cũng có âm dương phối hợp mới tạo ra được đất kết.

Âm dương phối hợp cũng như vợ chồng làm sứ mạng truyền giống (liên giao).

Mà đã làm sứ mạng truyền giống thì xảy ra:

67. Ất là khí dựng thai bào.

68. Tự nhiên sinh dục lẽ nào khác vay.

Ất là có thai (khí dựng thai bào)

Tự nhiên sẽ sinh đẻ (tự nhiên sinh dục) chứ còn gì nữa
Còn đất nếu cũng theo đúng định luật của dịch lý:

“Có âm dương, có vợ chồng”.

Dẫu tử thiên địa cũng vòng phu thê”.

Cũng phải có âm dương phối hợp chặt chẽ, mới tạo ra được đất kết. Nếu không được như thế thì không có kết quả, đây là định luật quan trọng chi phối toàn thể khoa địa lý.

Người có người đẻ ra con trung hiếu, hiền lương hay ác độc thì đất cũng có đất sinh nhân làm rạng danh dòng họ hoặc là sinh ra phường trộm cắp, ngu si. Đến đó phải còn nhiều yếu tố phải bàn đến nữa như long, sa, thủy, hướng, huyết... Chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng sau.

Cụ Tả Ao còn nói thêm sự kết phát là do chân long chính huyết. Chân long, chính huyết không thể bỏ qua luật âm dương phối hợp, đã trình bày ở trên.

69. Chân long chính huyết ở đây

Đến đây, Cụ Tả Ao lại xoay sang vấn đề đất hoành ky.

70. Ấy đất Hoành Ky lời thầy truyền ta.

Trên đã nói đất Hoành long rồi bây giờ nói đến Hoành ky. Hoành ky phải có chỗ khác Hoành long.

Hoành là ngang, Ky là cưỡi.

Đất hoành ky là huyết kết ở trên lưng hoành long. Chỗ đất kết ở trên lưng trông như người cưỡi trên lưng rồng, lưng ngựa, nên gọi là hoành ky.

Nếu đất kết trên đầu long thì sau đất kết một chút là tới minh đường.

Còn đất kết trên lưng long thì long còn chạy lâu nữa mới tới minh đường. Kết hoành ky mà huyết kết còn ở xa minh đường còn được gọi là kết thoái.

Chỗ đất tiếp theo huyết kết này các cụ gọi là chiêm thần.

Vì chiêm thần ở đất kết thoái này dài hơn chiêm thần ở đất kết thường, nên cụ Tả Ao cho biết:

71. Kết thoái dư khí còn xa.

72. Phải đi trăm dặm mới ra chiêm thần.

Kết thường thì dư khí (chiêm thần) còn một ít thước nữa là đến minh đường, nhưng kết thoái (đất hoành ky) thì dư khí (chiêm thần) có khi đi đến rất xa mới hết, mới đến minh đường.

Cái khó của sự điểm huyết và cũng ở khoa địa lý là những cái khúc mắc chúng tôi vừa trình bày, và sẽ trình bày nữa sau này.

Sở dĩ bộ địa lý thứ hai này (Dã Đàm Tả Ao) chúng tôi phải sửa chữa kê cứu liền 4 năm mới dám cho xuất bản là vì phải cố gắng trình bày cho rõ ràng những chỗ khúc

mắc.

Tuy đã cố gắng lắm, nhưng khoa địa lý thật là mênh
mông, nếu còn thiếu sót nào thì kính xin các vị chân sư
chỉ giáo cho, chúng tôi rất đa tạ.



THỦY PHÁP

73. Muốn sinh: tử tức, vượng nhân
74. Thì tìm Sinh vị, bản thân triều lai
75. Muốn thăng: quan tước, lộc tài
76. Thì tìm Vượng vị thủy lai hội đường.
77. Cứ nơi mạch ấy cho tường
78. Tả thuận, hữu nghịch, hai đường cho thông.
79. Lập huyệt, tọa hướng mới dùng.
80. Cứ phép bảo lại: huyền không ngũ hành.
81. Cứ như thủy pháp Nang kinh
82. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa thông minh như lễ
83. Năm hành phỏng luận một vì.
84. Bình mộ: Giáp, Ất – Giáp thì mộ dương
85. Ất là âm mộ đã tường
86. Phỏng đây suy biết: âm dương, ngũ hành.
87. Cứ đó mà khởi tràng sinh.
88. Giáp sinh tại Hợi, Ất dành Ngọ cung
89. Hợi thuận, Ngọ nghịch hai dòng.
90. Hồn còn xuôi ngược cho thông một vì.
91. Nước Sinh, nước Vượng châu về.
92. Nước Tử, nước Tuyệt chảy đi mặc lòng.
93. Cứ hướng làm chủ bản cung.
94. Kim, Mộc, Thủy, Thổ cho thông hướng nào.
95. Nhất thì được nước Sinh vào.
96. Nhì thì được nước Khắc vào hướng ta.
97. Mong sao Sinh, Khắc đến ta.

98. Là nước ấy có ích, chỉ ta hòa dùng.

Đây là thủy pháp, phần quan trọng, rắc rối nhất, và khó giải thích nhất, của Khoa địa lý, cụ Tả Ao nói sơ lược phần nhỏ nhưng là thực hành.

Học địa lý mà không biết thủy pháp, thì chẳng bao giờ làm Địa lý nên. Lại nữa thủy pháp trình bày đầy đủ phải mấy trăm trang, mà đây Cụ Tả Ao thu vào có 26 câu, lại không sắp xếp theo lối thông thường của lý thuyết sách vở, thì làm sao không rắc rối được.

Thủy pháp đã khó lại bị thu ngắn, lại trình bày trên một lề lối riêng biệt của cụ Tả Ao nên tác giả đã phải mất nhiều công phu nghiên cứu và trình bày lại. Đây cũng là một trong những lý do mà bộ địa lý này, bốn năm sau mới xuất bản được.

Sau khi đọc hết phần thủy pháp mà chúng tôi giải thích dưới đây, nếu quý vị hiểu được một nửa, rồi rảnh rỗi, quý vị hoặc xem lại, hoặc thực hành trên đất, hoặc phúc lại những ngôi mộ cổ, vừa suy ngẫm về lời giải thích của chúng tôi để phát huy thêm những cái khác lạ nữa, mà chúng tôi, hoặc vì còn non kém chưa giải thích được hết, hoặc vì chúng tôi không dám giải thích dài dòng quá, mà sau một năm quý vị nắm được hết tinh thần (tài liệu mờ).

Bởi vì nó là những điều bí hiểm về địa lý, mà xưa kia, chúng tôi phải “mòn gót giày, lỏng đầu gối” cũng phải trên mười năm mới hiểu được như thế. Những điều này, chúng tôi có khi theo thầy cả 2, 3 năm, chiều chuộng thầy, có khi hàng năm, mới được thầy “bố thí” cho một ít giải thích ân huệ. Trước khi giải thích phần thủy pháp này của cụ Tả Ao, chúng tôi thấy, nên nêu ra một số thắc

mắc:

1. Một là có nhiều điều mà thủy pháp ở sách địa lý Trung Hoa tán dương, mà ở đây cụ Tả Ao lại bỏ đi.

2. Hai là cách trình bày của cụ Tả Ao xem ra thật là rắc rối và kỳ lạ.

Nhưng sau nhiều năm kê cứu và duyệt lại một số thủy pháp của sách Trung Hoa, rồi hầu chuyện một số các vị cao nhân về địa lý và suy ngẫm, dẫn đo về nỗi thắc mắc này, chúng tôi mới tìm thấy giải đáp của sự thắc mắc trên như sau:

1. Những cái mà sách vở Trung Hoa trình bày, mà cụ Tả Ao không nói đến, phần nhiều chỉ là những kiến thức địa lý dựa vào lý khí rồi khuếch trương lên để làm cho rắc rối thêm địa lý mà thôi.

2. Còn cách trình bày của cụ Tả Ao thì lại quả là phép trình bày thực tế nhất vượt ra ngoài cả các sách vở thông thường đến nỗi chỉ có 26 câu, nhưng nếu chúng ta thật thuộc lòng nó, suy ngẫm nhiều về nó, thì ta sẽ có một căn bản đúng, giản dị, về khoa thủy pháp, vừa đặc dụng, vừa chân thật.

Quả không ngoa những lời các bậc tiền bối xưa đã nói:

“Nhiều khi chỉ một câu của cụ Tả Ao, học mười năm chưa hết”

Quý vị, sau khi đạt được thủy pháp này của cụ Tả Ao rồi, lại đọc các sách Tàu về thủy pháp, quý vị sẽ thấy người Trung Hoa viết sách địa lý 10 mà chỉ ích lợi một, còn cụ Tả Ao chỉ nói một, mà người học đạt được kết quả trăm lần.

Cụ Tả Ao quả là vị thánh địa lý. Nếu chúng ta yêu văn chương thì chúng ta lại còn thấy cụ Tả Ao là một nhà văn

chân thành và rất đại chúng của thế kỷ 15. Không lời nào của cụ xa sự thật, không lời nào viễn vông, dư thừa cả.

Áng văn nôm giá trị về thủy pháp này, sau trên nhiều năm nghiền ngẫm, suy nghĩ cách diễn giải, chúng tôi nghĩ rằng với tất cả sự cố gắng, chúng tôi chỉ có thể giải thích được bằng phương pháp sau đây:

1. Trước tiên giải thích các định nghĩa từng câu riêng biệt.

2. Sau nữa mới giải thích tinh thần cả đoạn văn, kèm thêm ví dụ.

Nào trước tiên chúng ta hãy giải thích các định nghĩa từng câu riêng biệt:

73. Muốn sinh: Tử Túc, Vượng nhân.

Muốn đất kết về đình, muốn nhiều con đỗ đạt.

74. Thì tìm sinh vị, bản thân triều lai

Thì chọn huyệt ở hướng Tràng sinh của thủy.

75. Muốn thăng: Quan tước, lộc tài.

Muốn làm quan to và muốn có nhiều tài lộc.

76. Thì tìm vượng vị, thủy lai hội đường.

Thì phải tìm huyệt ở hướng Đế vượng của thủy.

77. Cứ nơi mạch ấy cho tường

Phải hiểu rõ cả mạch của long, lẫn mạch của thủy.

78. Tả thuận, hữu nghịch, đôi đường cho thông.

Phải hiểu rõ rệt thủy (cũng như long đã nói ở trên) như sau:

a). Nước chảy từ trái sang phải (theo chiều kim đồng hồ quay), (nhìn ở trước huyệt) là dương thủy hay thủy tả thuận hay thủy tả toàn, hay hữu thủy đảo tả.

b). Nước chảy từ phải sang trái (theo ngược chiều kim đồng hồ quay), (nhìn ở trước huyệt) là âm thủy hay thủy

hữu nghịch hay thủy hữu toàn, hay tả thủy đảo hữu.

79. Lập huyết, tọa hướng mới dùng.

Thủy pháp quan trọng cho sự lập huyết (ấn định huyết nằm đâu) và tọa hướng (huyết ngồi đâu mà nhìn vào đâu).

80. Cú phép bảo lai, huyền không ngũ hành.

Ngoài hướng sinh và hướng vượng của huyết, lại còn hướng của thủy bảo lai ở trước huyết. Thủy bảo là khúc sông hay suối, ngồi ôm vòng ở trước huyết. Ta có thể dùng thủy pháp theo Dương công hay Thủy pháp theo Huyền Không ngũ hành.

81. Cú như thủy pháp năng kinh

Nang Kinh là sách Thanh nang kinh về địa lý cổ của Trung Hoa, có nói về phép thủy pháp đúng nhất (sau này có thủy pháp Nang Kinh giả và thủy pháp của các loại sách tên khác nói bậy bạ làm nhiều người lầm).

82. Kim Mộc Thủy Hỏa Thông minh như lễ.

Muốn biết thủy pháp, trước hết phải biết đất kết thuộc về cuộc long gì. Chỉ có 4 cuộc long là:

1. Kim cuộc long
2. Mộc cuộc long
3. Thủy cuộc long
4. Hỏa cuộc long

1. Nếu khi ngồi ở huyết mà thấy thủy khẩu phóng về hướng Đông (Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp, Mão) thì long từ hướng Tây đến. Mà từ hướng Tây long đến, chính là Kim cuộc long.

2. Nếu khi ngồi ở huyết mà thấy thủy khẩu phóng về hướng Tây (Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu) thì long ở hướng Đông đến. Mà từ hướng đông long đến, chính là

Mộc cuộc long.

3. Nếu khi ngồi ở huyệt, mà thấy thủy khẩu phóng về hướng Nam (Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ) thì long ở hướng Bắc đến. Mà từ hướng Bắc long đến, chính là Thủy cuộc long.

4. Nếu khi ngồi ở huyệt, mà thấy Thủy khẩu phóng về hướng Bắc (Tân, Tuất, Càn, Hợi, Nhâm, Tý) thì long từ hướng Nam đến. Mà từ hướng Nam long đến, chính là Hỏa cuộc long.

Trên đây chỉ nói về đại cuộc còn tiểu cuộc có khi không luận theo như trên. Sau đó, khi tầm long vài chục bận quý vị sẽ rõ.

83. Năm hành phỏng luận một vì

Phải biết luận ngũ hành theo can và chi:

a). Can Giáp là dương mộc.

Can Ất là âm mộc.

Can Bính là dương hỏa.

Can Đinh là âm hỏa.

Can Canh là dương kim.

Can Tân là dương kim

Can Nhâm là dương thủy

Can Quý là âm thủy

Can Mậu là dương thổ

Can Kỷ là âm thổ.

(Can Mậu và Kỷ không dùng để luận long, vì không có thổ long).

b). Chi Dần là dương mộc.

Chi Mão là âm mộc.

Chi Ty là âm hỏa

Chi Ngọ là dương hỏa

Chi Thân là dương kim
Chi Dậu là âm kim
Chi Hợi là âm thủy
Chi Tý là dương thủy
Chi Thìn Tuất là dương thổ
Chi Sửu Mùi là âm thổ.

(Thìn Tuất Sửu Mùi không dùng để luận long vì không có thổ lon).

84. Bính Mộc Giáp Ất, Giáp thì mộc dương

85. Ất là âm mộc đã tường

Nếu bình luận Mộc cuộc thì dùng Giáp và Ất. Nếu gọi là Giáp mộc tức là dương mộc (Ất là âm mộc).

86. Phỏng đây suy biết âm dương, ngũ hành.

Theo cách gọi đó sẽ biết âm hay dương và có hành kim hay hành mộc, hành thủy hay hành hỏa (ngũ hành).

Như trên đã nói, nếu ta thấy:

Giáp mộc là dương mộc (tính xuôi)

Ất mộc là âm mộc (tính ngược).

Bính hỏa là dương hỏa (tính xuôi)

Đinh hỏa là âm hỏa (tính ngược).

Canh kim là dương kim (tính xuôi)

Tân kim là âm kim (tính ngược).

Nhâm thủy là dương thủy (tính xuôi)

Quý thủy là âm thủy (tính ngược).

87. Cứ đó mà khởi tràng sinh

Cứ theo đó mà khởi từ tràng sinh, rồi đến Mộc dục, Quan đới, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng.

88. Giáp sinh tại Hợi, Ất dành Ngọ cung.

Ví dụ:

a). Nếu là dương mộc thì:

1. Tràng sinh ở Càn Hợi
2. Mộc dục ở Nhâm Tý
3. Quan đới ở Quý Sửu
4. Lâm quan ở Cấn Dần
5. Đế vương ở Giáp Mão
6. Suy ở Ất Thìn
7. Bệnh ở Tốn Ty
8. Tử ở Bính Ngọ
9. Mộ ở Đinh Mùi
10. Tuyệt ở Khôn Thân
11. Thai ở Canh Dậu
12. Dưỡng ở Tân Tuất.

b). Nếu là âm mộc thì đi nghịch:

1. Tràng sinh ở Bính Ngọ (Ất dành Ngọ Cung).
2. Mộc dục ở Tốn Ty
3. Quan đới ở Ất Thìn
4. Lâm quan ở Giáp Mão
5. Đế vương ở Cấn Dần
6. Suy ở Quý Sửu
7. Bệnh ở Nhâm Tý
8. Tử ở Càn Hợi
9. Mộ ở Tân Tuất
10. Tuyệt ở Canh Dậu
11. Thai ở Khôn Thân
12. Dưỡng ở Đinh Mùi.

89. Hợi thuận ngộ nghịch mới dùng

Nếu tràng sinh của mộc mà ở Hợi, ta cho đi thuận, còn nếu tràng sinh của mộc mà ở Ngọ, ta cho đi nghịch.

90. Hỷ còn xuôi ngược, cho thông một vì.

Cứ tính xuôi ngược như thế cho thông đi, trên là mới tính có Mộc cuộc. Ta lại còn phải tập tính cả:

Kim cuộc

Hỏa cuộc

Thủy cuộc nữa

Cũng theo phép như của Mộc cuộc vừa nói, cho thật thông thì ra ngoài đồng mới tầm long, điểm huyết nhanh được.

91. Nước sinh nước vượng châu về.

Cứ đến chỗ nào là tràng sinh hay đế vượng của thủy mà có nước châu về hay có nước tụ là ta được nước sinh hoặc nước vượng cho huyết.

92. Nước tử, nước tuyệt chảy đi mặc lòng.

Nước Tử và nước tuyệt là xấu nhất không được tụ, không được đến mà phải để cho nó chảy đi. Khi điểm huyết ta thu sinh, vượng và tránh tử tuyệt của nước cho khéo.

Cụ Tả Ao gọi là:

Thu: minh sinh, phóng: ám tử.

Cụ có câu thơ về việc này như sau:

Minh Sinh, Ám tử, vô di

Coi đi coi lại, quản chi nhọc nhằn.

Có nghĩa là:

Phải thu nước sinh vượng, phóng nước Tử tuyệt.

Phép này quan trọng không di dịch được.

Phải chịu khó nhọc coi đi lại cho kỹ, cho chắc chắn. Bởi đất kết do long mà họa phúc lại do thủy.

93. Cứ hướng làm chủ bản cung

Phải lấy hướng huyết làm chủ (Theo phép của Huyền không ngũ hành).

94. Kim mộc thủy thổ chỗ thông hướng nào.

Ví dụ hướng huyệt mà hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ thì ta phải chọn nước hướng nào? Và chọn làm sao?

Ta chọn như dưới đây:

95. Nhất thì được nước sinh vào

Nhất thì hướng thủy phóng phải sinh hướng huyệt (theo huyền không ngũ hành).

96. Nhì thì được nước khắc vào hướng ta.

Nhì thì hướng thủy phóng phải khắc hướng huyệt (theo huyền không ngũ hành).

97. Mong sao sinh khắc đến ta

Chỉ cần sinh nhập (nước sinh hướng huyệt), hoặc khắc nhập (nước khắc hướng huyệt).

98. Là nước ấy có ích chi ta hòa dùng.

Ngoài thủy pháp của Dương công ta chỉ nên dùng loại thủy pháp của Huyền không ngũ hành đó mà thôi. Trừ Dương công thủy pháp chỉ loại nước đó mới hữu ích. Thật ra trường hợp đặc biệt mới dùng đến phép Huyền không Ngũ hành. Chỉ nên cố gắng dùng Dương công thủy pháp.

- Quý vị đọc đến đây cũng vẫn chưa dùng được nếu không hiểu điều bí hiểm của Huyền Không ngũ hành sau đây:

Phép ngũ hành thường ta có:

Bính là hỏa Ngọ là hỏa.

Giáp Ất là mộc v.v..

Còn phép ngũ hành của Huyền Không khác ngũ hành thường như sau:

Ất Dậu Bính Đinh nguyên thuộc Hỏa.

Kiên Khôn Mão Ngọ Kim đồng tọa

Hợi Quý Cấn Giáp thị Mộc thân
Dần Thân Tân Tốn Kiêm Tý Ty
Hợp dữ Thìn Nhâm bát Thủy thân.

Dịch nghĩa:

Theo huyền không ngũ hành thì:

Ất Dậu Bính Đinh hành hỏa

Kiên Khôn Mão Ngọ hành kim

Hợi Quý Cấn Giáp hành mộc.

Dần, Thân, Tân, Tốn, Tý, Ty, Thìn, Nhâm hành thủy

Có phép chỉ dùng huyền không ngũ hành cho hướng huyệt và hướng thủy khẩu, lại có phép dùng cho cả nước lại và nước triều. Chúng tôi sẽ giải thích nó kỹ lưỡng sau này, ở những bộ sách kế tiếp.

Nhưng nếu biết coi phép Hồng Phạm Ngũ Hành ta sẽ biết năm nào thì kết phát.

Đây là đi đến chỗ cao và bí hiểm nhất của khoa địa lý. Các vị chân sư truyền dạy cho chúng tôi không muốn chúng tôi phổ biến những bí hiểm như vậy quá rộng rãi, mà chỉ được truyền cho những vị nào mà được các chân sư xét là đáng.

Thật ra, không phải là các Chân sư muốn cho khoa địa lý sẽ thất truyền, mà thật ra các vị đó sợ đời học chưa đến nơi đến chốn, đã vội hành nghề, sẽ có nhiều sai lầm, và như thế dĩ nhiên là có hại cho người xin để đất, tổn phúc cho thầy để đất, người truyền cũng có phần nào ân hận. Để dung hòa hai quan niệm mâu thuẫn nhau như trên, chúng tôi sẽ tìm cách lưu lại bí mật đó cho đời sau, bằng cách mỗi sách chúng tôi cho vào một số bí quyết. Các vị nào có tâm đạo, chỉ muốn biết khoa địa lý để báo hiếu cho cha mẹ, mà không hề có tham vọng hành nghề địa lý

để kiếm ăn, sẽ gặp rất nhiều cơ duyên để thành đạt về khoa này. Xưa kia, các cụ chân nho nghiên cứu địa lý, chỉ mong tìm được một đến hai ngôi đất để báo hiếu cho cha mẹ là đủ mãn nguyện.

Như vậy khoa địa lý sẽ không bị thất truyền mà vị nào quyết tâm vẫn học được nó.

Ngay trong bộ này, quý vị nào có nhiều kinh nghiệm và nhiều hiểu biết về địa lý, đã thấy chúng tôi xen kẻ trong các câu giải thích, trong đó đây ở bộ sách này, những ẩn ý đặc biệt, liên quan rất nhiều đến toàn bộ kiến thức bậc cao của khoa địa lý.



LUẬN: THẤU LONG

- 99. *Phép trong ngọc sách đã thông*
- 100. *Bền mới lại luận Thấu long cho tường*
- 101. *Nhâm long ngôi ở đầu hàng*
- 102. *Bính Tý chính khí một phương chớ rời.*
- 103. *Khảm long: Canh Ty chính ngôi*
- 104. *Quý long: Đinh Sửu là nơi bản về*
- 105. *Sửu long: Tân Sửu kể đi*
- 106. *Cấn long chẳng lệch, hào ly: Mậu Dần*
- 107. *Dần long: chính khí Nhâm Dần*
- 108. *Giáp long: Đinh Mão là phần chính cung.*
- 109. *Mão long: Quý Mão thì dùng*
- 110. *Canh Thìn chính khí: Ất long đang quyền.*
- 111. *Thìn long: Chính khí Giáp Thìn*
- 112. *Tốn long: Tân Ty đã yên một dòng*
- 113. *Ty long: Ất Ty thấu long*
- 114. *Bính long: Nhâm Ngọ phép trong nhiệm màu*
- 115. *Ngọ long: Bính Ngọ làm đầu*
- 116. *Thánh hiền truyền dạy trước sau ghi lòng*
- 117. *Quý Mùi: là chính Đinh long*
- 118. *Mùi long: Đinh vị, Khôn dòng: Giáp Thân*
- 119. *Mậu Thân: chính khí long Thân*
- 120. *Canh long: Ất Dậu là phần chính Canh*
- 121. *Kỷ Dậu: chính khí Đoài tinh (Dậu)*
- 122. *Bính Tuất: chính khí địa hình long Tân*
- 123. *Tuất long: Canh Tuất bản phần*

124. Càn long: Đinh Hợi sai phân chớ hề

125. Hợi long, Tân Hợi một vì

126. Rành rành chính khí, thấu suy đã tường.

Khoa địa lý chính tông bao giờ cũng nhằm vào phần loan đầu. Lấy con mắt và sự khổ công nhiều năm quan sát tại ngoài đồng, tìm ra long-chân huyết-đích. Sau khi có long-chân huyết-đích rồi mới luận đến thấu long. Các sách man thư không nói câu này, mà chỉ phát huy nguyên có thấu long. Người làm đất nếu quên long-chân huyết-đích, trên cụ thể mà cứ cố xoay huyết cho đúng thấu long tốt, sẽ xảy ra nhiều trường hợp làm hỏng đất kết.

Dưới đây là hai câu mở về luận Thấu long.

99. Phép trong ngọc sách đã thông.

100. Bên mới lại luận thấu long cho tường.

Thấu long chỉ dùng để luận long chứ không được dùng nó để phá long-chân huyết-đích mới là danh môn chính phái.

- Thấu long cho huyết ta xem nhập thủ mạch của huyết.

- Thấu long cho long nhập thủ ta xem lai long của long nhập thủ.

Thấu long cũng có thể dùng cho tổ sơn.

Còn phép áp dụng thì:

- Thấu long cho huyết và cho long nhập thủ ta phải lấy chi tiết của vòng nhỏ, giáp vòng địa bàn, nó là vòng 72 long xuyên sơn.

(Xin xe một địa bàn chính xác của Cao Trung đã phát hành).

Tiếp theo dưới đây là luận về thấu long của 24 nhập

thủ mạch:

101. Nhâm long ngôi ở đầu hàng

102. Bính Tý chính khí một phương chớ rời.

Có nghĩa là: Nếu là Nhâm long nhập thủ, thì đường gần đưa mạch vào huyết ở chữ Bính Tý của địa bàn, là chính khí.

Tiếp theo:

103. Tý long Canh Tý chính ngôi:

Có nghĩa là: nếu là Tý long nhập thủ thì nhập thủ mạch (đường gần đưa mạch vào huyết) nên ở vào chữ Canh Tý

104. Quý long Đinh Sửu là nơi bản về

Có nghĩa là: nếu là Quý long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Đinh Sửu.

105. Sửu long Tân Sửu kể đi

Có nghĩa là: nếu là Sửu long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Tân Sửu.

106. Cấn long chảnh chệch hào ly Mậu Dần

Có nghĩa là: nếu là Cấn long nhập thủ, thì nhập thủ mạch nên ở chữ Mậu Dần.

107. Dần long chính khí Nhâm Dần.

Có nghĩa là: nếu là Dần long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Nhâm Dần.

108. Giáp long Đinh Mão là phần chính cung.

Có nghĩa là: nếu là Giáp long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Đinh Mão.

109. Mão long Quý Mão thì dùng:

Có nghĩa là Mão long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Quý Mão.

110. Canh Thìn chính khí Ất long đang quyền.

Có nghĩa là Ất long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Canh Thìn.

111. Thìn long chính khí Giáp Thìn

Có nghĩa là: Thìn long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Giáp Thìn.

112. Tốn long Tân Ty đã yên một dòng

Có nghĩa là: Tốn long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Tân Ty.

113. Ty long Ất Ty thấu long

Có nghĩa là: Ty long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Ất Ty.

114. Bính long Nhâm Ngọ phép trong nhiệm mầu:

Có nghĩa là: Bính long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Nhâm Ngọ.

115. Ngọ long Bính Ngọ làm đầu

116. Thánh hiền truyền dạy trước sau ghi lòng

Có nghĩa là: nếu Ngọ long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Bính Ngọ.

117. Quý Mùi là chính Đinh Long

Có nghĩa là: nếu Đinh long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Quý Mùi.

118. Mùi long Đinh vị, khôn dòng Giáp Thân

Có nghĩa là: Mùi long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Đinh Mùi

Và khôn long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Giáp Thân.

119. Mậu Thân chính khí Long thân

Có nghĩa là: Thân long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Mậu Thân.

120. Canh long Ất Dậu là phần chính canh:

Có nghĩa là: Canh long nhập thủ mạch nên ở chữ Ất Dậu

121. Kỷ Dậu chính khí đoàn tinh:

Có nghĩa là: Dậu long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Kỷ Dậu

122. Bính Tuất chính khí địa hình long tân:

Có nghĩa là: Tân long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Bính Tuất.

123. Tuất long Canh Tuất bản phần:

Có nghĩa là: Tuất long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Canh Tuất.

124. Càn long Đinh Hợi sai phân chớ hê:

Có nghĩa là: Càn long nhập thủ thì nhập thủ mạch nên ở chữ Đinh Hợi.

125. Hợi long Tân Hợi một vì

126. Dần dần chính khí thấu suy đã tường.

Có nghĩa là: Hợi long nhập thủ, thì nhập thủ mạch nên ở chữ Tân Hợi.

Theo tính chất về chính khí của 24 long nói trên ta biết rằng: nếu phân kim thừa dùng chính khí như Hợi long thừa Tân Hợi mới được còn chi tiết khác sẽ bị cô hư, không vong sẽ có bại. Vậy ta nên xoay huyết cho vào chính khí không?

Có một số chân sư đáp rằng:

- Loan đầu là thể - Lý khí là dụng.

Thể mới là chính và dụng là phụ, tuy cả hai cùng cần. Nếu tìm đúng long-chân, huyết-đích thì nắm chắc loan đầu, tự nhiên chính khí phải đúng.

Một số vị chân sư khác cho biết:

Có một vài trường hợp chính khí (Thâu long) sai mà có

long-chân huyết-đích thì phải chịu vậy, nó là tạp long – Dùng tạm huyết đó rồi tiếp phúc nữa, hoặc đi tìm đất kết khác.

Hơn nữa, dù tính chất của 24 long, dù thấu long cũng chỉ là luận long. Chỉ là luận mà thôi.

Có nhiều người nệ vào tính chất của long, nệ vào thấu long, thành ra đặt huyết vào chỗ không kết, thăm thay, thăm thay. Đã nhiều người khóc dở mếu dở về chuyện này. Lý do chỉ vì:

- Loan đầu không vững
- Quá nệ vào lý khí và luận long.

Những thấu long trên đây nói về lai mạch nhập huyết, nhưng thấu long còn có thể dùng cho long nhập thủ, cho hành long (thôi quan) và cho thiếu tổ sơn nữa. Tuy nhiên nên nhớ kỹ phần này chỉ là luận long sau khi có long chân, huyết đích.

Dưới đây là công thức xuyên sơn 72 long nói về mạch nhập thủ:

Theo phương pháp này (luận về nhập thủ mạch). Mỗi khi đến huyết trường, chỗ long kết huyết, căn cứ vào chỗ quá giáp (chỗ long mạch thắt nhỏ lại) mình đặt la kinh xem long mạch vào chữ gì?

Có thể coi:

- Chỗ mạch nhập thủ
- Chỗ long mạch thắt nhỏ lại
- Hay chỗ thân long khởi hoặc phục rồi đem Giáp Tý nạp âm coi ngũ hành, sinh khắc để biết lành dữ.

Ví dụ:

Tý long lai mạch - Chữ Tý thuộc Thủy - Chữ về chi Tý là mẫu tự - Một mẹ sinh 5 con.

Nếu Bính Tý long lai thì thuộc Thủy.
Canh Tý long lai thì thuộc Thổ.
Còn như Giáp Tý long lai thì thuộc Kim
Mậu Tý thuộc hỏa
Nhâm Tý thuộc mộc.

Tính theo hàng can nạp giáp cho 8 quẻ để phân biệt
thế nào là cô hư, vượng, tướng, thế nào là quý, giáp,
không, vong, kiếp sát

Ta thấy Giáp nạp cho Kiền
Nhâm nạp cho Ly
Hai quẻ này đều là dương cả, nên Giáp với Nhâm đều là
cô

Ất nạp cho Khôn
Quý nạp cho Khảm
Hai quẻ này đều là âm cả nên Ất với Quý đều là hư.
Mậu Kỷ gọi là Quý, Giáp là Không, Vong là Quan sát.
Bính là dương hỏa.
Canh là dương kim.

Chỉ có dương là vượng mà chỉ có hỏa và kim mới là
vượng cho nên đây gọi là Vượng.

Đinh là âm hỏa, Tân là âm kim chỉ có âm là tướng mà
chỉ có hỏa và kim mới là tướng cho nên đây gọi là tướng.

Phần này chỉ là nói thêm để gợi ý chút ít bí pháp phân
kim, chúng tôi sẽ nói kỹ phân kim ở một bộ sách khác,
sau này xuất bản.

Trên là lý khí về nhập thủ mạch của bí pháp chính
tông, Nguyên về Tý long nhập thủ mà còn nói khó hiểu
như thế.

Nếu nói hết bí pháp ngay thì quyển này sẽ khá dài.

Nhưng mà trên thực hành, loan đầu chỉ cần tóm cả

thấu long, nhập thủ mạch, của 24 long và một câu:

Lai mạch nhập thủ mà khí còn cường sẽ dễ có xung khí, có hại, có tội.

Lai mạch nhập nhĩ là vừa.

Nhưng nếu lai mạch nhập thủ mà khí nhược thì châm chế được.

Chỉ có thể thôi. Nếu loan đầu đúng thì lý khí đều phân nhiều đúng hết. Bao giờ hiểu rõ ta sẽ bắt chấp cái khó khăn của lý khí.

Làm địa lý mà không phân tích kỹ loan đầu, chỉ luận nguyên khí sẽ không bao giờ làm được địa lý cả.

Như nhiều cụ xưa kia chỉ chuộng lý khí của sách Trung Hoa mà quên phần căn bản là loan đầu, cụ thể ở trước mắt, nhìn thấy được. Chúng tôi đã được dự kiến nhiều trận tranh luận về lý khí mà quên hẳn loan đầu. Kết quả là càng tranh luận lại càng nát bét.

Các vị mãi mê lý khí, mà quên loan đầu, nào có nghĩ rằng: Địa lý là khoa học thực dụng và thực tế. Nó bắt đầu có do ở sự quan sát trên đất đai cụ thể để tìm ra nơi nào đẹp nhất, dùng làm nhà ở, và chôn xương, cất xác các bậc tôn kính đã quá cố xuống đó. Mãi đến Hán, Đường mới có thuyết ngũ hành và từ đó thêm phần lý khí vào khoa địa lý và sau này các vị Đế vương Trung Hoa, muốn giữ độc quyền về khoa địa lý cho dòng họ mình, một mặt tìm Chân thư, mặt khác vừa bắt buộc, vừa cho tiền bạc một số địa lý gia viết man thư bằng cách dùng lý khí tán rộng và tán vào chỗ sai lầm.



LUẬN: HƯỚNG NGUYỆT CỦA 24 LONG

127. Tại luận long hướng các phương
128. Tà khí tạp bác, âm dương cho thuần.
129. Nhâm long: ba hướng khả phân
130. Phương: Ngọ, Khôn, Ất xoay vắn kể chi
131. Tý long: Khôn hướng một bề
132. Quý long: hay huyết hướng về Ngọ, Khôn
133. Sửu long: Bính hướng vi tôn
134. Cấn long: tám huyết kể tồn từng ngôi
135. Bính, Đinh, Canh, Tân, Ty, Mùi
136. Tốn, Đoài, tám hướng trạch chính an ngôi.
137. Dần long: hai hướng Khôn, Thân.
138. Giáp long: định hướng về phần: Càn, Khôn
139. Mão long: bốn hướng kể rồn
140. Canh, Tân, Đinh, Hợi đã yên một bề.
141. Ất long: Khôn hướng một vì
142. Thìn long: hai huyết hướng về Càn, Khôn
143. Tốn long: Tân, Hợi, Cấn môn
144. Dụng ba hướng ấy, là không sánh tày
145. Ty long: một hướng Hợi thần
146. Bính long: bốn huyết kể bày làm nơi
147. Hợi, Canh, Tân, Cấn hướng ngôi
148. Ngọ long: hai hướng về trời Quý, Nhâm
149. Đinh long: Cấn, Hợi thuần âm
150. Mùi long: một hướng cục nhằm Cấn Ly
151. Khôn long: phương Quý hướng đi

152. Thân long: Quý, Giáp hai vì cho mình
 153. Hướng: Mão, Cấn là long Canh
 154. Cấn, Tốn, Ty hướng, đã đành Dậu long
 155. Thân long: Tốn, Mão, Cấn cung
 156. Ngồi một hướng Ất, Tuất long địa bàn
 157. Cùng theo Ất hướng, long Càn
 158. Bính, Tốn, Đinh hướng, long đồng Hợi long
 127. Lại luận long hướng các phương
 128. Tà khí tạp bác âm dương cho thuận

Trên đây là luận về hướng huyết của long như sau:

Long nhập thủ và hướng cần phải có 2 tương quan:

a). Một là cùng âm, cùng dương.

Nếu không cùng âm cùng dương là: tà khí, tạp bác.

b). Hai là Long nhập thủ nào hay có hướng huyết quay về hướng nào.

Tiếp theo dưới đây cụ Tả Ao nói về long nào trên thực tế hay có Hướng huyết quay về hướng nào.

129. Nhâm Long 3 hướng khả phân (xem hình 7)

130. Phương: Ngọ, Khôn, Ất xoay vần kể chi.



Hình 7: Nhâm Long

Giải thích câu 129 – 130 (hình 7)

Nếu là Nhâm long hay có 3 hướng huyết:

1. Phương Ngọ (tọa Tý hướng Ngọ)
2. Phương Khôn (tọa Cấn hướng Khôn)
3. hoặc phương Ất (tọa Tân hướng Ất).

129. Nhâm Long 3 hướng khả phân (xem hình 7)

130. Phương: Ngọ, Khôn, Ất xoay vần kể chi.



Hình 8: Tý long

Giải thích câu 131 (hình 8)

Nếu là Tý long thì thường chỉ có 1 hướng huyết.

Tọa Cấn hướng Khôn.

132. Quý Long hay huyết hướng về: Ngọ, Khôn (xem hình 9)



Hình 9: Quý long

Giải thích câu 132 (hình 9)

Nếu là quý long thì thường có 2 hướng huyết:

1. Một là tọa Tý hướng Ngọ
2. Hai là tọa Cấn hướng Khôn.

133. Sửu Long Bính hướng vi tôn (xem hình 10)



Hình 10: Sửu long

Giải thích câu 133 (hình 10)

Nếu là Sửu long hay có 1 hướng huyết:

1. Tọa Nhâm hướng Bính.

134. Cấn Long tám huyết kể Tốn từng ngôi (hình 11)

135. Bính, Đinh, Canh, Tân, Ty, Mùi

136. Tốn, Đoài, Tám hướng trạch chính an ngôi



Hình 11. Cấn long

Giải thích câu 134 – 135 – 136 (hình 11)

Nếu là Cấn long hay có tới 8 hướng huyết:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1. Tọa Nhâm hướng Bính | 2. Tọa Quý hướng |
| Đinh | |
| 3. Tọa Giáp hướng Canh | 4. Tọa Ất hướng Tân |
| 5. Tọa Hợi hướng Ty | 6. Tọa Sửu hướng Mùi |
| 7. Tọa Càn hướng Tốn | 8. Tọa Mão hướng Dậu |
- (Đoài)

137. Dần Long hai hướng: Khôn, Thân (hình 12)



Hình 12: Dần Long

Giải thích câu 137 (hình 12)

Nếu là Dần long thì hay có 2 hướng huyết:

1. Tọa Cấn hướng Khôn
2. Tọa Dần hướng Thân.

138. Giáp Long Đinh hướng về phần:

Càn Khôn



Hình 13: Giáp Long

Giải thích câu 138 (hình 13)

b). Nếu là Giáp long hay có 2 hướng huyệt:

1. Tọa Tốn hướng Càn
2. Tọa Cấn hướng Khôn

139. Mão Long 4 hướng kể rồn (hình 14)

140. Canh, Tân, Đinh, Hợi đã yên một bề.



Hình 14: Mão Long

Giải thích câu 139 – 140 (hình 14)

Nếu là Mão long thì hay có 4 hướng huyệt:

1. Tọa Giáp hướng Canh
2. Tọa Ất hướng Tân
3. Tọa Quý hướng Đinh
4. Tọa Ty hướng Hợi.

141. Ất Long : Khôn, Hướng một vì (hình 15)



Hình 15: Ất Long

Giải thích câu 141 (hình 15)

Nếu là Ất long thường hay có 1 hướng huyết:

Tọa Cấn hướng Khôn

142. Thìn Long : Hai huyết hướng về Càn, Khôn (hình 16)



Hình 16: Thìn Long

Giải thích câu 142 (hình 16)

Nếu là Thìn long hay có 2 hướng huyết:

1. Tọa Tốn hướng Càn
2. Tọa Cấn hướng Khôn

143. Tốn Long : Tân, Hợi, Cấn Môn (hình 17)

144. Dụng 3 hướng ấy là Khôn sánh tà



Hình 17: Tốn Long

Giải thích câu 143 – 144 (hình 17)

Nếu là Tốn long hay có 3 hướng huyết:

1. Tọa Ất hướng Tân
2. Tọa Ty hướng Hợi
3. Tọa Khôn hướng Cấn.

145. Tý Long một hướng: Hợi Thần (hình 18)



Hình 18: Tý Long

Giải thích câu 145 (hình 18)

Nếu là Tý long hay có 1 hướng huyết:

- Tọa Ty hướng Hợi

146. Bính Long 4 huyết kể bày làm nơi (hình 19)

147. Hợi, Canh, Tân, Cấn hướng ngôi



Hình 19: Bính Long

Giải thích câu 146 – 147 (hình 19)

Nếu là Bính long hay có 4 hướng huyết:

1. Tọa Ty hướng Hợi
2. Tọa Giáp hướng Canh
3. Tọa Ất hướng Tân
4. Tọa Khôn hướng Cấn.

148. Ngọ Long Hai hướng về trời: Quý, Nhâm (Hình 20)



Hình 20: Hợi Long

Giải thích câu 149 (hình 20)

Nếu là Ngọ long hay có 2 hướng huyết:

1. Tọa Đinh hướng Quý
2. Tọa Bính hướng Nhâm

149. Đinh Long Cấn, Hợi, Thuần Âm (hình 21)



Hình 21: Đinh Long

Giải thích câu 149 (hình 21)

Nếu là Đinh long hay có 2 hướng huyết đều là âm hướng:

1. Tọa Quý hướng Đinh
2. Tọa Ty hướng Hợi.

150. Mùi Long: Một hướng, cục nhằm: Cấn Ly (hình 22)



Hình 22: Mùi Long

Giải thích câu 150 (hình 22)

Nếu là Mùi long hay có 1 hướng huyết:
Tọa Khôn hướng Cấn.

151. Khôn Long: Phương Quý kể đi (hình 23)



Hình 23: Khôn Long

Giải thích câu 151 (hình 23)

Nếu là Khôn long, hay có một hướng huyết:
Tọa Đình hướng Quý.

152. Thân Long: Quý, Giáp, Hai vì cho mình (hình 24)



Hình 24: Thân Long

Giải thích câu 152 (hình 24)

Nếu là Thân long hay có 2 hướng huyết:

1. Tọa Đình hướng Quý
2. Tọa Canh hướng Giáp.

153. Hướng Mão: Mão, Cấn là Long Canh (hình 25)



Hình 25: Canh Long

Giải thích câu 153 (hình 25)

Nếu là Canh long, hay có 2 hướng huyết

1. Tọa Dậu hướng Mão

2. Tọa Khôn hướng Cấn

154. Cấn, Tốn, Ty hướng đã đành Dậu Long (hình 26)



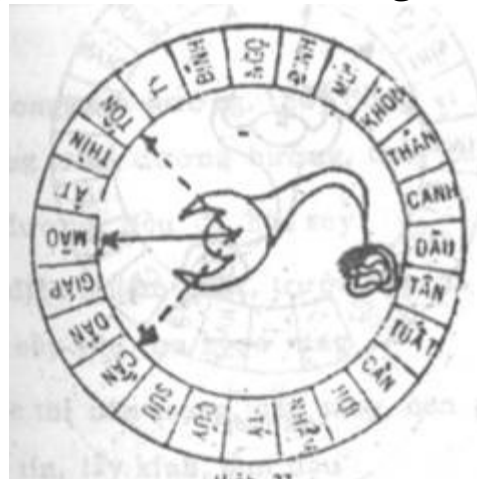
Hình 26: Dậu Long

Giải thích câu 154 (hình 26)

Nếu là Dậu long hay có 3 hướng huyết:

1. Tọa Khôn hướng Cấn
2. Tọa Càn hướng Tốn
3. Tọa Hợi hướng Ty.

155. Tân Long: Tốn, Mão, Cấn Cung (hình 27)



Hình 27: Tân Long

Giải thích câu 155 (hình 27)

Nếu là Tân Long hay có 3 hướng huyết:

1. Tọa Càn hướng Tốn
2. Tọa Dậu hướng Mão

3. Tọa Khôn hướng Cấn

156. Ngồi một hướng: Ất, Tuất Long địa bàn (hình 28)



Hình 28: Tuất Long

Giải thích câu 156 (hình 28)

Nếu là Tuất long hay có 1 hướng huyệt:

1. Tọa Canh hướng Ất.

157. Cũng theo Ất hướng Long Cấn (hình 29)



Hình 29: Cấn Long

Giải thích câu 157 (hình 28)

Nếu là Cấn long hay có một hướng huyệt:

1. Tọa Tân hướng Ất.

158. Bính, Tốn, Đinh, Hướng, Long Đồng Hới Long (hình 30)

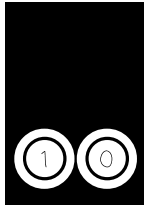


Hình 30

Giải thích câu 158 (hình 30)

Nếu là Hội long hay có 3 hướng huyệt:

1. Tọa Nhâm hướng Bính
2. Tọa Càn hướng Tốn
3. Tọa Quý hướng Đinh.



ĐOẠN KẾT

159. Âm long, âm hướng, thủy đồng.
160. Dương long, dương hướng, thủy cung một bề.
161. Âm dương đều đã hòa suy
162. Mọi điều nhiệm nhặt, trước suy đã tường
163. Báu này yêu tựa ngọc vàng
164. Được thì nên trọng, nên sang, nên giàu.
165. Lấy tín, lấy kính, làm đầu
166. Đạo có sở cầu, chí có ắt nên.
167. Lộ là: cười hạc, đeo tiền
168. Trước tiên học lấy thần tiên trên đời
169. Ắt là gọi có: chúa, tôi
170. Mưa móc ơn trời, phúc thay thượng thư
171. Hòa nhà phú quý, phong lưu
172. Con con, cháu cháu, thiên thu dõi truyền
173. Đến khi vui đạo thánh hiền
174. Ứng lời học trước, thần tiên, chép bàn.

Tất cả căn bản về địa lý, đều ở hai chữ Âm dương
Chương thứ nhất là “Mở” cũng đã có Âm dương. Đây là âm dương trên đạo lý. Đưa ra đạo quân tử là đạo dương (quẻ Càn trong Kinh dịch) trái lại với nó là đạo âm (quẻ Khôn trong kinh dịch).

Chương thứ hai là “từ long khởi tổ đến huyết trường” cho ta thấy: khi nước mở cửa cho long đi là dương, rồi lúc nước đóng lại, để long vào kết huyết là âm. Trong Kỳ Môn Độn Giáp có nói: giờ chẵn là giờ dương là mở, giờ lẻ là giờ

âm là đóng. Như vậy mở đóng cũng là trạng thái âm dương.

Chương thứ ba nói về “24 long” trong đó có 12 âm long và 12 dương long. Âm dương ở đây thật là rõ rệt.

Chương thứ tư nói về “Âm dương theo lý khí”.

Chương thứ năm nói về “Âm dương theo hình thể đất”.

Cao là Âm và thấp bằng là Dương.

Chương thứ sáu nói về “Long tả toàn và long hữu toàn” thì long tả toàn là long đi theo chiều Dương và long hữu toàn là long đi theo chiều Âm.

Chương thứ bảy nói về “Thủy pháp” có nói về âm dương của ngũ hành:

Bình mộc Giáp Ất – Giáp thì: mộc dương

Ất là: âm mộc, đã tường

Phỏng đây suy biết: Âm dương ngũ hành.

Chương thứ tám nói về “Thấu long” là nói về chính khí của long. Chính khí của 24 long, trong đó có 12 Âm long và 12 Dương long.

Chương thứ chín nói về “hướng huyết của 24 long” trong đó có 12 âm hướng và 12 dương hướng.

Hai câu đầu của chương thứ chín:

126. Lại luận long hướng các phương

127. Tà khí tạp bác, âm dương cho thuần.

Còn gợi ý thêm về thôi quan pháp, nói về: long, thủy, sa toàn âm, và long, thủy, sa toàn dương, hoặc long thủy sa toàn quý, long thủy sa toàn tiện, nó khai triển thêm âm dương trên một trạng thái khác.

(Chúng tôi sẽ trình bày kỹ thôi quan pháp ở những sách về địa lý xuất bản sau).

Chương thứ mười nói về “Kết luận” bài Tầm long Gia

truyền Bảo Đàm, thì cụ Tả Ao nhắc lại những điều quan hệ về phần kỹ thuật Địa lý mà Cụ đã trình bày ở chín chương trên: những căn bản về địa lý và giống như các cổ học thuật Đông phương khác cũng chỉ có hai chữ Âm dương là quan trọng.

159. Âm long, âm hướng thủy đồng

160. Dương long, dương hướng thủy cung một bề

161. Âm dương đều đã hòa suy

162. Mọi điều nhiệm nhứt, trước suy đã tường.

Rồi Cụ mới gói ghém cảm tưởng của Cụ về khoa địa lý vào 12 câu chót từ câu 163 đến câu 174 như dưới đây:

163. Báu này yêu tựa ngọc vàng

164. Được thời nên trọng, nên sang, nên giàu.

Khoa địa lý là có thật, nhưng vì là quan trọng và bí hiểm nên có nhiều man thư. Ngay cả bên Trung Quốc cũng ít người học được chân truyền. Nếu học được chân thư do chân sư truyền thì quý báu lắm. Cụ Tả Ao nhận xét như vậy, vì chính Cụ đã thực hành nó nhiều năm và thấy rất đúng. Cụ yêu quý khoa Địa lý như vàng như ngọc. Nó quý là phải vì đạt được nó thì có thể để được đất, làm xoay chuyển nghèo thành giàu, hèn thành sang.

Bởi lẽ bù trừ, Cụ Tả Ao thay trời ban phát lộc về địa lý cho đời thì cụ phải chịu phần nào kém lộc về địa lý, do đó cụ không giúp cho mình được nhưng cụ đã giúp cho thiên hạ. Nhiều người nhờ Cụ mà giàu có, sang trọng rồi. Nó không phải là lời đồn của miệng mà là sử sách có ghi chép.

165. Lấy tín, lấy kính làm đầu

166. Đạo có sở cầu, chí có ắt nên.

Khoa địa lý vì khó nên có ít người học được chu đáo. Ta

thấy nhiều người để đất mà không phát. Vì lẽ thầy địa lý giỏi lại rất thận trọng, không mấy khi bả ai cũng cho đất lớn. Các thầy giỏi thường chỉ giúp cho những người quá nghèo và hiền lành những đất trung bình cho bớt nghèo, hoặc không có con cho có chút ít con nối dõi tông đường, bởi hai lẽ:

Thứ nhất là làm một kiểu đất quan trọng rất là cực nhọc chứ không phải dễ dàng gì, dù là thầy giỏi.

Thứ hai là thầy địa lý cũng không có nhiều thì giờ, gò ép, tìm kiếm lâu công đất lớn cho người không có ân, tình, nghĩa, lụy với thầy hay với quốc gia xã hội.

Tuy nhiên, nếu thấy giàu lòng tin và kính trọng thầy, thì cũng có thể làm thầy chuyển tâm cố gắng hơn chút nữa kiếm đất cho.

Lấy kính lấy tín làm đầu

Muốn học nó hay muốn để đất thì vấn đề đầu tiên là phải kính trọng và tin tưởng nó.

Đạo có sở cầu chí có ắt nên

Còn những người muốn học địa lý nếu tin nó, quyết tâm, cố sức học hỏi, nghiên cứu, thì lâu ngày cũng có thể đạt được khoa này. Nếu là người có đạo tâm thì hay gặp được cơ duyên dễ dàng cho sự thành đạt hơn.

167. Lọ là cưỡi hạc đeo tiền

168. Trước tiên học lấy thần tiên trên đời.

Khoa địa lý, Cụ Tả Ao cho là quan trọng nên Cụ kính, cụ tin như kính, tin một đạo giáo. Chúng có là cụ đã dùng cả đời người theo đuổi nó, rồi truyền lại cho đời sau những kinh nghiệm giản dị, chân thực về địa lý.

Khi thụ đắc được khoa này rồi. Cụ thấy hoàn toàn sung sướng và mãn nguyện.

Cụ thấy rằng dù có tu thành tiên (cưỡi hạc) hoặc có nhiều tiền đi nữa (đeo tiền) cũng không thích thú bằng thành đạt về khoa địa lý.

Lọ là cưỡi hạc đeo tiền

Và chính lúc đang nghiên cứu Địa lý, ra đồng sống với thiên nhiên, con người đó cũng đã đang là thần tiên ở trên cõi đời này rồi.

Trước tiên học lấy thần tiên trên đời

169. Ất là gọi có chúa tôi

170. Mưa móc ơn trời phúc thay thượng thư

Nếu nhờ có khoa địa lý kiếm được đất phát quan thì được thỏa mộng bình sinh, công danh nhẹ bước vân trình, như thế là làm tròn nghĩa quân thần với vua (Chúa) và với Nước:

Ất là gọi có Chúa tôi

Nhưng nếu có phúc, được đất phát lớn, làm đến Thượng thư thì lại được hưởng ơn Vua, lộc nước nhiều hơn nữa:

Mưa móc ơn Trời, phúc thay Thượng thư

171. Hòa nhà phú quý phong lưu

172. Con con, cháu cháu thiên thu, dõi truyền.

Được đất lớn thì cả nhà, cả họ đều phú quý, phong lưu.

Hòa nhà phú quý, phong lưu

Và đất phát bền thì không những một đời phát mà nhiều đời sau cũng được hưởng

Con con, cháu cháu thiên thu, dõi truyền

173. Đến khi vui đạo thánh hiền

174. Ứng lời học trước thần tiên chép bản.

Cụ Tả Ao vui cảnh địa lý. Cụ cho địa lý cũng là một khoa học của Thánh hiền để lại, khoa học này được nâng

lên làm đạo vì nó cân nhắc phúc đức người ta, nó khuyến khích người ta cố gắng làm trọn đạo người và tạo thêm phúc để có nhiều triển vọng được hưởng đất kết.

Đến khi vui đạo thánh hiền

Cụ Tả Ao vui với địa lý của Thánh hiền, Cụ sống sát với quần chúng chất phác, lương thiện tại thôn quê. Cụ yêu thiên nhiên vì nó là bối cảnh cho việc Đạt Đạo Thần Tiên của Cụ, và trong lúc thư thả cụ đem những gì cụ học được về chân truyền địa lý, những gì cụ có kinh nghiệm về địa lý, cụ viết lại để truyền cho hậu thế, kẻ mất đi của báu của tiền nhân.

Ứng lời học trước, thần tiên chép bàn

TRÍCH MỘT ĐOẠN LỜI NÓI ĐẦU CỦA BỘ SÁCH TẢ AO ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

(Tức Tả Ao Địa Lý tiên sinh truyền)

Soạn giả Cao Trung

Là cuốn sách thứ ba trong Tủ sách Gia Bảo sắp xuất bản.

Cuốn địa lý Tả Ao địa lý toàn thư, nguyên tác là Tả Ao tiên sinh truyền là toàn bộ địa lý gia truyền của dòng họ Tả ao. Sau trên 300 năm sao đi chép lại, hiện nay nó có tới sáu bản trên toàn quốc.

Những vị học địa lý ai cũng mong có sách địa lý của Cụ Tả Ao, nhưng nếu tìm được bản chính thì đó là điều đại hạnh ngộ. Chúng tôi đã nhiều năm sưu tầm tài liệu địa lý của cụ Tả Ao và được biết đây là chính bản, có giá trị nhất trong 6 bản cùng loại, mà quý vị yêu chân thư về địa lý hằng mơ ước.

Có sách rồi làm sao kiếm được người có đủ chữ Hán và kiến thức địa lý, dịch ra Hán Việt thì sách mới hữu dụng. Biết thế, nên chúng tôi phải đóng góp với một số chân thư và một số các vị giỏi chữ Hán cùng chữ Nôm, làm việc liên tiếp mấy năm, mới dịch xong bộ này. Thế là chúng ta đã có bản dịch đúng đắn và không hề phản lại nguyên bản.

Cái khó của việc dịch sách này, không những là bởi khoa địa lý viết bằng cổ văn theo lối chữ đã thảo khó đọc khó dịch, mà nói lại có phần nôm bên cạnh phần hán tự,

thành ra việc dịch đã khó, lại khó hơn nữa.

- Thế rồi, việc dịch này, nếu không có sự tích cực tham gia của người đã nghiên cứu địa lý thì kết quả trên phương diện kỹ thuật địa lý, cũng lại là vấn đề cần phải xét lại.

- Sau nữa, phương pháp viết sách của người xưa, ít được trình bày bằng cách chia thành từng phần, từng tiết mục, có đánh số rõ ràng phân minh, nên dù là có sách dịch đúng rồi, cũng vẫn còn vấn đề khó khăn cho người khảo cứu. Cần tra cứu lại nguyên bản những điểm nghi ngờ khó hiểu.

- Để giúp ích cho quý vị khảo cứu quyển địa lý này, chúng tôi không những phải cố gắng kiếm cho kỳ được chính bản, phải thận trọng dịch, xong rồi lại còn lại phải làm công việc phân bản dịch và nguyên bản ra làm nhiều phần, mỗi phần đều có nhiều tiết, mỗi tiết có nhiều mục. Tất cả các tiết mục đều phải trình bày riêng biệt, và đánh số phân minh, để quý vị xem bản dịch có chỗ nào nghi ngờ, sẽ dễ đối chiếu, để xác định lại câu văn, cho đúng với tinh thần và ý hướng đích thực của nó. Ngoài ra, tiếp theo chúng tôi còn viết thêm phần hướng dẫn của từng chương, tiết để quý vị đỡ phần nào công việc tìm kiếm, suy luận trong khi nghiên cứu nó.

CAO TRUNG

TẢ AO ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

- Chương 1 : PHÂN KIM HUYỆT PHÁP
- Chương 2 : ĐỊA ĐẠO DIỄN CA CỦA CỤ TẢ AO
- Chương 3 : ĐỊA LÝ GIA TRUYỀN BÍ THƯ ĐẠI TOÀN
- Chương 4 : PHƯƠNG VỊ QUÝ TIỆN LUẬN
- Chương 5 : NHẬT KỲ SƠN THỦY HỢP CÁT PHÁP

Chương 6 : TỔNG LUẬN ĐẠI ĐỊA CẬP CHƯ HÌNH
THỂ CÁCH

Chương 7 : VỊ SỬ PHÁP

Chương 8 : TỔ LONG TỐN LONG

Chương 9 : ĐỊA LÝ TRỊ SOẠN PHÚ

Chương 10 : CAN TRÀNG SINH THỂ THỨC

Chương 11 : TÂM LONG GIA TRUYỀN BẢO ĐÀM

Chương 12 : LONG PHÁP TÂM KINH

Chương 13 : BỐ Y NHẤT QUÁN LUẬN

Chương 14 : CHÍNH NGŨ HÀNH CẦU LONG NHẬP
HUYỆT

Chương 15 : NGŨ HÀNH PHÁT DỤNG